

## **BỘ LUẬT DÂN SỰ**



## **Quyển 3**

---

### *Thiên III*

## **Hợp đồng hay nghĩa vụ hợp đồng nói chung**

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH MỞ ĐẦU**

#### **Điều 1101**

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa nhiều chủ thể, theo đó một hoặc nhiều bên cam kết với một hoặc nhiều bên khác chuyển giao một vật, làm hoặc không làm một công việc nào đó.

#### **Điều 1102**

Hợp đồng có tính chất song vụ hoặc song phương khi các bên giao kết có nghĩa vụ qua lại đối với nhau.

#### **Điều 1103**

Hợp đồng có tính chất đơn vụ khi chỉ một hoặc nhiều bên có nghĩa vụ, còn một hoặc nhiều bên kia không có nghĩa vụ mà chỉ có quyền.

#### **Điều 1104**

Hợp đồng có tính chất ngang giá khi một bên cam kết chuyển giao một vật hoặc làm một công việc được coi là có giá trị

tương đương với giá trị của vật mà bên kia chuyển giao hoặc công việc mà bên kia làm cho mình.

Khi mỗi bên đều có khả năng được lợi hoặc bị thiệt, mà điều đó phụ thuộc vào một sự kiện không chắc chắn có xảy ra hay không thì hợp đồng có tính chất không ngang giá.

#### **Điều 1105**

Hợp đồng có tính chất từ thiện là hợp đồng theo đó một bên mang lại cho bên kia một lợi ích mà không nhận lại một lợi ích nào cả.

#### **Điều 1106**

Hợp đồng có tính chất đền bù là hợp đồng theo đó mỗi bên đều phải chuyển giao một vật hoặc làm một công việc nào đó.

#### **Điều 1107**

Mọi hợp đồng, dù có hay không có tên gọi riêng, đều phải tuân thủ các quy định chung tại thiên này.

Một số hợp đồng được quy định riêng tại các thiên dành cho từng loại hợp đồng đó; các giao dịch thương mại được quy định riêng trong các đạo luật về thương mại.

## **Chương II**

### **NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHỦ YẾU ĐỂ HỢP ĐỒNG CÓ HIỆU LỰC**

#### **Điều 1108**

Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi thỏa mãn bốn điều kiện chủ yếu sau đây:

- Các bên giao kết hợp đồng tự nguyện thỏa thuận;
- Các bên giao kết có năng lực giao kết hợp đồng;
- Đối tượng của hợp đồng phải xác định;
- Căn cứ của hợp đồng phải hợp pháp.

### **Điều 1108-1**

(Luật số 2004-575 ngày 21 tháng 6 năm 2004, Điều 25-I)  
Trong trường hợp hành vi pháp lý phải được thể hiện bằng văn bản mới có hiệu lực, văn bản đó có thể được lập và lưu giữ dưới hình thức thông tin điện tử theo những điều kiện quy định tại Điều 1316-1 và Điều 1316-4. Trong trường hợp phải là văn bản xác thực thì văn bản đó có thể được lập và lưu giữ dưới hình thức điện tử theo những điều kiện quy định tại Điều 1317.

Trong trường hợp phải có một nội dung do chính người có nghĩa vụ viết tay, thì người có nghĩa vụ có thể đưa nội dung đó vào dưới hình thức điện tử, nếu như điều kiện thực hiện của phương thức này bảo đảm rằng việc đưa nội dung đó chỉ có thể là do chính người có nghĩa vụ thực hiện.

### **Điều 1108-2**

(Luật số 2004-575 ngày 21 tháng 6 năm 2004, Điều 25-I)  
Quy định tại Điều 1108-1 không áp dụng với:

1. Các tư chứng thư liên quan đến pháp luật về gia đình và thừa kế;
2. Các tư chứng thư liên quan đến các biện pháp bảo đảm đối nhân hoặc đối vật, trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, trừ trường hợp người lập chứng thư đó là theo yêu cầu nghề nghiệp của mình.

## **Mục I**

## **SỰ TỰ NGUYỆN THỎA THUẬN**

### **Điều 1109**

Sự thỏa thuận không có giá trị nếu đạt được do bị nhăm lẩn, bị đe dọa hoặc bị lừa dối.

### **Điều 1110**

Sự nhăm lẩn chỉ là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu khi đó

là sự nhầm lẫn về bản chất của vật hoặc công việc là đối tượng của hợp đồng.

Sự nhầm lẫn về chủ thể giao kết không thể là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu, trừ phi việc xem xét nhân thân người đó là căn cứ chính dẫn đến việc giao kết hợp đồng.

#### **Điều 1111**

Hợp đồng được giao kết do một bên bị đe dọa sẽ vô hiệu. Hành vi đe dọa có thể do bên giao kết trực tiếp thực hiện hoặc do bên thứ ba thực hiện.

#### **Điều 1112**

Hành vi đe dọa là hành vi tác động vào một người có lý trí và làm cho người đó lo sợ về việc có thể bị thiệt hại lớn về sức khỏe, tính mạng hay tài sản của mình.

Để xác định mức độ đe dọa, cần phải xem xét đến độ tuổi, giới tính và hoàn cảnh của những người có liên quan.

#### **Điều 1113**

Hành vi đe dọa là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu không chỉ trong trường hợp hành vi đe dọa nhằm vào bản thân người giao kết hợp đồng mà còn cả trong trường hợp nhằm vào vợ, chồng, tôn thuộc, ti thuộc của người đó.

#### **Điều 1114**

Chỉ riêng sự sợ hãi khép nép đối với cha, mẹ hoặc tôn thuộc khác mà không có hành vi đe dọa thì chưa đủ căn cứ để hủy hợp đồng.

#### **Điều 1115**

Không thể kiện đòi hủy hợp đồng vì lý do bị đe dọa, nếu sau khi hành vi đe dọa chấm dứt, hợp đồng đã được chấp nhận một cách rõ ràng hoặc mặc nhiên, hoặc đã hết thời hạn yêu cầu hoàn trả theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 1116**

Sự lừa dối là một căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu khi một bên có những thủ đoạn gian dối đối với bên kia mà nếu không có các thủ đoạn đó thì bên kia đã không giao kết hợp đồng.

Hành vi lừa dối không được suy đoán mà phải được chứng minh.

#### **Điều 1117**

Hợp đồng được giao kết do nhầm lẫn, bị đe dọa hoặc lừa dối không đương nhiên vô hiệu, mà chỉ dẫn đến việc khởi kiện để yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu hoặc hủy bỏ hợp đồng trong những trường hợp và theo những thể thức quy định tại Mục VII, Chương V của Thiên này.

#### **Điều 1118**

Sự thiệt hại của một bên chỉ là căn cứ làm cho hợp đồng vô hiệu trong một số trường hợp hoặc đối với một số chủ thể như quy định tại mục này.

#### **Điều 1119**

Về nguyên tắc, mỗi người chỉ được cam kết và thỏa thuận trong hợp đồng nhân danh mình và cho chính mình.

#### **Điều 1120**

Tuy nhiên, một người cũng có thể đứng ra cam kết thay cho người thứ ba; trong trường hợp người thứ ba không chấp nhận hoặc không thực hiện cam kết thì người đã đưa ra cam kết phải bồi thường.

#### **Điều 1121**

Một người cũng có thể cam kết vì lợi ích của người thứ ba, nếu đó là điều kiện của một cam kết vì lợi ích của chính mình hoặc là điều kiện của việc tặng, cho tài sản cho người khác. Người đã đưa ra cam kết vì lợi ích của người thứ ba không thể

rút lại cam kết nếu người thứ ba đã tuyên bố chấp nhận hưởng lợi ích từ việc thực hiện đó.

#### **Điều 1122**

Mỗi người khi tham gia hợp đồng được coi như cam kết vì lợi ích của chính mình, của những người thừa kế và người được di tặng của mình, trừ phi có thỏa thuận khác trong hợp đồng hoặc hợp đồng có bản chất ngược lại.

### **Mục II**

#### **NĂNG LỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1123**

Mọi chủ thể đều có quyền giao kết hợp đồng nếu không bị pháp luật coi là người không có năng lực giao kết hợp đồng.

#### **Điều 1124**

(Luật số 68-5 ngày 3 tháng 11 năm 1968) Những người bị coi là không có năng lực giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật bao gồm:

-Người chưa thành niên và chưa được quyền tự lập;

-Người thành niên được pháp luật bảo hộ theo quy định tại Điều 488, Bộ luật này.

#### **Điều 1125**

(Luật số 68-5 ngày 3 tháng 11 năm 1968) Bên có năng lực giao kết hợp đồng không thể viện dẫn việc không có năng lực giao kết hợp đồng của bên kia để chống lại họ.

#### **Điều 1125-1**

(Luật số 68-5 ngày 3 tháng 11 năm 1968) Trừ phi được phép của Tòa án, nghiêm cấm bất kỳ người nào giữ một chức vụ hoặc làm việc trong một nhà dưỡng lão hoặc một cơ sở chữa bệnh tâm thần mà mua một tài sản hoặc nhận chuyển nhượng một quyền

của một người được nhận vào để chăm sóc tại cơ sở ấy hoặc thuê nơi mà người đó ở trước khi được nhận vào cơ sở, nếu không, hợp đồng liên quan sẽ bị vô hiệu.

Theo quy định tại Điều này, vợ hoặc chồng, tôn thuộc và ti thuộc của những người là đối tượng áp dụng các quy định cấm nói trên được coi là người trung gian.

### ***Mục III***

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA HỢP ĐỒNG**

### **Điều 1126**

Đối tượng của hợp đồng là vật mà một bên cam kết chuyển giao hoặc công việc mà một bên cam kết làm hoặc không làm.

### **Điều 1127**

Quyền sử dụng hoặc chiếm hữu một vật có thể được coi là đối tượng của hợp đồng như chính vật đó.

### **Điều 1128**

Chỉ có những vật có thể đem giao dịch được mới có thể là đối tượng của hợp đồng.

### **Điều 1129**

Đối tượng của nghĩa vụ phải là một vật xác định, ít nhất là xác định về chủng loại.

Từng phần của vật có thể không rõ, nhưng vật phải xác định được.

### **Điều 1130**

Vật hình thành trong tương lai có thể là đối tượng của nghĩa vụ.

Tuy nhiên, không thể từ chối nhận một di sản thừa kế chưa mở, cũng không được đưa ra bất kỳ cam kết nào về di sản đó, kể cả khi đã có sự đồng ý của người để lại di sản.

#### **Mục IV**

### **MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1131**

Nghĩa vụ không có mục đích, hoặc dựa trên một mục đích bị làm sai lệch hoặc mục đích trái pháp luật thì sẽ không có hiệu lực pháp luật.

#### **Điều 1132**

Thỏa thuận vẫn có hiệu lực cho dù mục đích của thỏa thuận đó không được biểu hiện ra.

#### **Điều 1133**

Căn cứ là trái pháp luật khi bị pháp luật cấm, trái với đạo đức xã hội hoặc trật tự công.

### **Chương III**

### **HIỆU LỰC CỦA NGHĨA VỤ**

#### **Mục I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1134**

Hợp đồng được giao kết hợp pháp có giá trị là luật đối với các bên giao kết.

Hợp đồng chỉ có thể bị hủy bỏ trên cơ sở có thỏa thuận chung, hoặc theo những căn cứ do pháp luật quy định.

Hợp đồng phải được thực hiện một cách thiện chí.

#### **Điều 1135**

Các bên giao kết không chỉ phải thực hiện những nghĩa vụ được nêu trong hợp đồng, mà còn phải thực hiện cả những nghĩa vụ theo yêu cầu của nguyên tắc công bằng, theo tập quán hay theo quy định của pháp luật.

## **Mục II**

### **NGHĨA VỤ GIAO VẬT**

#### **Điều 1136**

Nghĩa vụ giao vật bao gồm nghĩa vụ chuyển giao vật và bảo quản, giữ gìn vật cho đến khi giao, nếu người có nghĩa vụ vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền.

#### **Điều 1137**

Dù mục đích của hợp đồng là vì lợi ích của một trong các bên hay của cả hai bên, thì người có nghĩa vụ bảo quản vật vẫn phải sử dụng mọi phương tiện cần thiết để bảo quản vật đó như tài sản của chính mình.

Nghĩa vụ này có phạm vi rộng hay hẹp tùy theo loại hợp đồng mà hiệu lực của chúng về phương diện này được quy định tại các thiên liên quan.

#### **Điều 1138**

Nghĩa vụ giao vật hoàn thành vào thời điểm các bên giao kết đạt được thỏa thuận với nhau.

Người có quyền trong nghĩa vụ giao vật trở thành chủ sở hữu và chịu rủi ro đối với vật kể từ thời điểm vật phải được giao, mặc dù vật chưa được giao trên thực tế, trừ trường hợp người có nghĩa vụ đã được yêu cầu giao vật nhưng chưa giao; trong trường hợp này, các rủi ro đối với vật vẫn thuộc trách nhiệm của người có nghĩa vụ.

#### **Điều 1139**

Người có nghĩa vụ coi như được yêu cầu bằng một giấy đòi nợ hoặc một văn bản khác có giá trị tương đương (Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 84) “ví dụ như một bức thư có nội dung thúc giục”, hoặc do hiệu lực của hợp đồng nếu hợp đồng quy định rằng khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ, người có

nghĩa vụ đương nhiên coi như bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ mà không cần phải có bất cứ văn bản đốc thúc nào.

#### **Điều 1140**

Hiệu lực của nghĩa vụ giao vật hoặc giao bất động sản được quy định tại Thiên “Hợp đồng mua bán tài sản” và Thiên “Quyền ưu tiên và quyền thế chấp”.

#### **Điều 1141**

Nếu vật phải giao hoặc chuyển giao lần lượt cho hai người là động sản thì người nào chiếm hữu vật trên thực tế sẽ có quyền ưu tiên và trở thành chủ sở hữu đối với vật, mặc dù người đó chiếm hữu sau, nhưng với điều kiện là chiếm hữu ngay tình.

### **Mục III**

## **NGHĨA VỤ PHẢI LÀM HOẶC KHÔNG ĐƯỢC LÀM MỘT CÔNG VIỆC**

#### **Điều 1142**

Đối với mọi nghĩa vụ phải làm hoặc không được làm một công việc, nếu người có nghĩa vụ mà không thực hiện nghĩa vụ thì sẽ phải bồi thường thiệt hại.

#### **Điều 1143**

Tuy nhiên, người có quyền có thể yêu cầu hủy bỏ những việc mà người có nghĩa vụ đã làm trái với cam kết; người có quyền cũng có thể yêu cầu hủy bỏ những việc đó và người có nghĩa vụ phải chịu mọi chi phí, ngoài ra phải bồi thường thiệt hại, nếu có.

#### **Điều 1144**

Trong trường hợp nghĩa vụ không được thực hiện, người có quyền cũng có thể được Tòa án cho phép tự mình thực hiện nghĩa vụ đó, mọi chi phí do người có nghĩa vụ chịu. (Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 82) “Người có nghĩa vụ có

thể bị buộc phải ứng trước khoản tiền cần thiết để thực hiện nghĩa vụ”.

#### **Điều 1145**

Đối với nghĩa vụ không được làm một công việc, chỉ riêng việc vi phạm nghĩa vụ cũng đủ căn cứ để người vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

### **Mục IV**

## **BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO KHÔNG THỰC HIỆN NGHĨA VỤ**

#### **Điều 1146**

Người có nghĩa vụ chỉ phải bồi thường thiệt hại nếu bị đốc thúc mà vẫn không thực hiện nghĩa vụ, trừ trường hợp nghĩa vụ chuyển giao vật hoặc thực hiện một công việc chỉ có thể được thực hiện trong một thời hạn nhất định nhưng thời hạn đó đã hết. (Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 85) “Việc đốc thúc có thể được thực hiện qua một bức thư với nội dung chất vấn hợp lý”.

#### **Điều 1147**

Người có nghĩa vụ sẽ phải bồi thường thiệt hại xảy ra do không thực hiện nghĩa vụ hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ, kể cả khi ngay tình, trừ phi chứng minh được rằng việc không thực hiện nghĩa vụ là do nguyên nhân khách quan, không thể quy trách nhiệm cho mình.

#### **Điều 1148**

Người có nghĩa vụ sẽ không phải bồi thường thiệt hại nếu việc không chuyển giao vật phải giao hoặc không thực hiện công việc mà mình phải làm, hoặc lại thực hiện công việc mà mình không được làm, là do sự kiện bất khả kháng hoặc do sự kiện ngẫu nhiên.

#### **Điều 1149**

Về nguyên tắc, giá trị khoản bồi thường cho người có quyền bao gồm thiệt hại thực tế và phần lợi nhuận mà lẽ ra người có quyền được hưởng, trừ những ngoại lệ và sửa đổi quy định dưới đây.

#### **Điều 1150**

Người có nghĩa vụ chỉ có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại đã được dự kiến hoặc đã có thể được dự kiến khi giao kết hợp đồng, trừ trường hợp nghĩa vụ không được thực hiện là do sự lừa dối của người có nghĩa vụ.

#### **Điều 1151**

Trong trường hợp hợp đồng không được thực hiện do hành vi lừa dối của người có nghĩa vụ, thì phạm vi bồi thường cũng bao gồm giá trị những tổn thất thực tế và phần lợi nhuận mà người có quyền lẽ ra được hưởng với điều kiện đó là hậu quả tức thì và trực tiếp của việc không thực hiện hợp đồng.

#### **Điều 1152**

Trong trường hợp hợp đồng có quy định bên nào không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng sẽ phải trả một khoản tiền nhất định với danh nghĩa là tiền bồi thường thiệt hại, thì không thể buộc bên vi phạm phải trả cho bên bị vi phạm một khoản tiền lớn hơn hoặc nhỏ hơn khoản tiền quy định trong hợp đồng.

(Luật số 85-1097 ngày 11 tháng 10 năm 1985) “Tuy nhiên, Tòa án có thể, thậm chí là mặc nhiên, ra quyết định giảm hoặc tăng mức tiền phạt vi phạm đã thỏa thuận, nếu khoản tiền theo thỏa thuận đó rõ ràng là quá cao hoặc quá thấp. Mọi điều khoản trái lại coi như vô hiệu” (Luật số 75-597 ngày 9 tháng 7 năm 1975).

#### **Điều 1153**

(Luật số 75-619 ngày 11 tháng 7 năm 1975) “Đối với loại nghĩa vụ phải trả một khoản tiền, việc bồi thường thiệt hại do

chậm thực hiện nghĩa vụ chính là trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất do luật định, trừ trường hợp có quy định riêng về thương mại và bảo lãnh.”

(Pháp lệnh số 59-148 ngày 7 tháng 1 năm 1959) “Việc bồi thường thiệt hại này là bắt buộc, người có quyền không cần phải chứng minh thiệt hại.”

(Luật số 75-619 ngày 11 tháng 7 năm 1975) “Tiền bồi thường tính từ ngày nhận được giấy đòi nợ”, (Luật số 92-644 ngày 13 tháng 7 năm 1992) “hoặc văn bản khác có giá trị tương đương, ví dụ như một bức thư có nội dung đốc thúc”, trừ trường hợp phải bồi thường đương nhiên theo quy định của pháp luật.

(Luật ngày 7 tháng 4 năm 1900) Nếu người có nghĩa vụ trả tiền mà chậm trả, đồng thời cố ý gây ra cho người có quyền một thiệt hại khác ngoài thiệt hại do việc chậm trả gây ra, thì người có quyền có thể được hưởng thêm một khoản bồi thường ngoài khoản lãi chậm trả.

#### **Điều 1153-1**

(Luật số 85-677 ngày 5 tháng 7 năm 1985) Trong mọi trường hợp, số tiền mà người có nghĩa vụ phải bồi thường theo quyết định của Tòa án bao gồm tiền lãi tính theo lãi suất do luật định, ngay cả khi không có yêu cầu bồi thường hoặc không có quy định đặc biệt trong bản án. Số tiền lãi này được tính kể từ ngày tuyên án, trừ phi pháp luật có quy định khác hoặc Tòa án quyết định khác.

Trong trường hợp quyết định về bồi thường thiệt hại của Tòa án Sơ thẩm được Tòa án Phúc thẩm giữ nguyên, thì khoản tiền bồi thường là tiền lãi đương nhiên được tính theo lãi suất do luật định kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong các trường hợp khác, khoản bồi thường theo quyết định của Tòa án Phúc thẩm là tiền lãi được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Tòa án Phúc thẩm vẫn có quyền ra quyết định khác với quy định tại đoạn này.

#### **Điều 1154**

Tiền lãi đến hạn của số nợ gốc có thể phải chịu lãi, nếu

người có quyền nộp đơn yêu cầu lên Tòa án hoặc giữa các bên có thỏa thuận riêng, nhưng với điều kiện đó là tiền lãi đã quá hạn từ một năm trở lên mà người có nghĩa vụ chưa trả.

#### **Điều 1155**

Tuy nhiên, các khoản lợi tức đến hạn như tiền lĩnh canh, tiền thuê, các khoản trả định kỳ của lợi tức vĩnh viễn hoặc trọn đời, phải chịu lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu hoặc có thỏa thuận riêng giữa các bên.

Quy định này cũng được áp dụng đối với các khoản bồi hoàn hoa lợi và khoản lãi mà người thứ ba trả cho người có quyền do đã nhận tiền của người có nghĩa vụ.

### **Mục V**

## **GIẢI THÍCH HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1156**

Khi giải thích hợp đồng, không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí chung của các bên giao kết.

#### **Điều 1157**

Khi một điều khoản của hợp đồng có thể được hiểu theo hai nghĩa thì phải chọn nghĩa nào làm cho điều khoản đó có hiệu lực và loại trừ nghĩa làm cho điều khoản đó vô hiệu.

#### **Điều 1158**

Khi hợp đồng có ngôn từ có thể hiểu theo hai nghĩa thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với tính chất của hợp đồng.

#### **Điều 1159**

Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ không rõ ràng thì phải giải thích theo tập quán tại địa điểm giao kết hợp đồng.

#### **Điều 1160**

Cần bổ sung vào hợp đồng các điều khoản thường có theo

tập quán đối với loại hợp đồng đó, mặc dù trong hợp đồng không có các điều khoản đó.

#### **Điều 1161**

Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau, sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung hợp đồng.

#### **Điều 1162**

Trong trường hợp có nghi ngờ về một điều khoản trong hợp đồng thì phải giải thích điều khoản đó theo hướng bất lợi cho người đã đưa ra quy định và có lợi cho người chấp nhận nghĩa vụ.

#### **Điều 1163**

Dù ngôn từ dùng trong hợp đồng có chung chung như thế nào thì hợp đồng cũng chỉ bao gồm những vật, sự việc mà dường như các bên đã có ý định chọn làm đối tượng của hợp đồng.

#### **Điều 1164**

Khi trong hợp đồng có nêu một trường hợp để giải thích nghĩa vụ thì không có nghĩa là có ý định thu hẹp phạm vi đương nhiên của nghĩa vụ vào các trường hợp không được nêu trong hợp đồng.

### **Mục VI**

#### **HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA**

#### **Điều 1165**

Hợp đồng chỉ có hiệu lực đối với các bên giao kết; hợp đồng không được gây thiệt hại cho người thứ ba và hợp đồng chỉ được mang lại lợi ích cho người thứ ba trong trường hợp quy định tại Điều 1121.

#### **Điều 1166**

Tuy nhiên, người có quyền có thể thực hiện mọi quyền kể cả

quyền khởi kiện của người có nghĩa vụ, trừ những quyền gắn liền với nhân thân của người có nghĩa vụ.

#### **Điều 1167**

Người có quyền cũng có thể nhân danh cá nhân mình kiện yêu cầu hủy bỏ những giao dịch do người có nghĩa vụ giao kết mà xâm phạm đến quyền của mình.

(Luật số 65-570 ngày 13 tháng 7 năm 1965) “Tuy nhiên, liên quan đến các quyền quy định tại Thiên “Thừa kế” và Thiên “Hợp đồng hôn nhân và các chế độ tài sản trong hôn nhân” thì người có quyền phải tuân theo các quy định tại các thiên đó”.

### **Chương IV**

## **CÁC LOẠI NGHĨA VỤ**

### **Mục I**

## **NGHĨA VỤ CÓ ĐIỀU KIỆN**

### **1. Điều kiện nói chung và các loại điều kiện**

#### **Điều 1168**

Nghĩa vụ có điều kiện là nghĩa vụ phụ thuộc vào một sự kiện trong tương lai và không chắc chắn sẽ xảy ra, theo đó chỉ khi nào sự kiện đó xảy ra thì mới thực hiện nghĩa vụ hoặc hủy bỏ nghĩa vụ.

#### **Điều 1169**

Điều kiện ngẫu nhiên là điều kiện tùy thuộc vào sự kiện khách quan và không phụ thuộc vào người có quyền và người có nghĩa vụ.

#### **Điều 1170**

Điều kiện tùy thuộc vào ý chí một bên là điều kiện, theo đó, việc thực hiện hợp đồng phụ thuộc vào một sự kiện mà một

trong các bên giao kết có khả năng tác động để thúc đẩy hoặc cản trở sự kiện đó xảy ra.

#### **Điều 1171**

Điều kiện hỗn hợp là điều kiện tùy thuộc đồng thời vào ý chí của một trong các bên giao kết và ý chí của người thứ ba.

#### **Điều 1172**

Mọi điều kiện dựa trên một sự kiện không thể xảy ra, hoặc trái với đạo đức xã hội hoặc bị pháp luật cấm, đều vô hiệu và làm cho hợp đồng phụ thuộc vào điều kiện đó cũng vô hiệu.

#### **Điều 1173**

Điều kiện không làm một công việc không thể thực hiện được sẽ không làm cho nghĩa vụ được cam kết theo điều kiện đó vô hiệu.

#### **Điều 1174**

Mọi nghĩa vụ được cam kết với điều kiện tùy thuộc vào ý chí của bên có nghĩa vụ thì đều vô hiệu.

#### **Điều 1175**

Mọi điều kiện phải được thực hiện theo cách thức mà các bên đã thực sự mong muốn và thoả thuận như vậy.

#### **Điều 1176**

Trong trường hợp nghĩa vụ được cam kết với điều kiện là một sự kiện sẽ xảy ra trong một thời hạn nhất định, thì điều kiện đó coi như không phát sinh nếu hết thời hạn mà sự kiện không xảy ra. Trong trường hợp không xác định thời hạn cụ thể, thì điều kiện có thể phát sinh vào bất cứ lúc nào; điều kiện chỉ được coi là không phát sinh khi đã biết chắc chắn rằng sự kiện sẽ không xảy ra.

#### **Điều 1177**

Trong trường hợp nghĩa vụ được cam kết với điều kiện là

một sự kiện sẽ không xảy ra trong một thời hạn nhất định, nếu khi thời hạn đó hết mà sự kiện không xảy ra thì điều kiện được coi là đã phát sinh: điều kiện cũng được coi là đã phát sinh nếu trước khi hết thời hạn mà đã biết chắc chắn rằng sự kiện sẽ không xảy ra. Trong trường hợp không xác định thời hạn cụ thể, điều kiện chỉ được coi là phát sinh khi biết chắc chắn rằng sự kiện sẽ không xảy ra.

#### **Điều 1178**

Trong trường hợp điều kiện không thể phát sinh được do hành vi cản trở của người có nghĩa vụ thì coi như điều kiện đó đã phát sinh.

#### **Điều 1179**

Điều kiện đã xảy ra thì có hiệu lực hồi tố kể từ ngày giao kết hợp đồng. Nếu người có quyền chết trước khi điều kiện phát sinh thì các quyền của người đó được chuyển giao cho người thừa kế.

#### **Điều 1180**

Trước khi điều kiện xảy ra, người có quyền có thể sử dụng mọi biện pháp để bảo vệ quyền của mình.

### **2. Điều kiện phát sinh nghĩa vụ**

#### **Điều 1181**

Nghĩa vụ được cam kết kèm theo điều kiện phát sinh là nghĩa vụ phụ thuộc vào một sự kiện không chắc sẽ xảy ra trong tương lai hoặc vào một sự kiện hiện tại đã xảy ra nhưng các bên chưa biết.

Trong trường hợp thứ nhất, chỉ có thể thực hiện nghĩa vụ sau khi sự kiện đã xảy ra.

Trong trường hợp thứ hai, nghĩa vụ có hiệu lực kể từ ngày được cam kết.

### **Điều 1182**

Trong trường hợp nghĩa vụ giao vật được cam kết kèm theo điều kiện phát sinh nghĩa vụ, thì người có nghĩa vụ chỉ phải giao vật khi điều kiện đã xảy ra và vẫn phải chịu rủi ro đối với vật là đối tượng của hợp đồng trong thời gian điều kiện chưa xảy ra.

Nếu vật bị phá hủy hoàn toàn nhưng không do lỗi của người có nghĩa vụ thì nghĩa vụ chấm dứt.

Nếu vật bị hư hỏng nhưng không do lỗi của người có nghĩa vụ thì người có quyền có thể lựa chọn hoặc hủy bỏ nghĩa vụ hoặc yêu cầu giao vật theo hiện trạng và không có giảm giá.

Nếu vật bị hư hỏng do lỗi của người có nghĩa vụ thì người có quyền có thể lựa chọn hoặc hủy bỏ nghĩa vụ hoặc yêu cầu giao vật theo hiện trạng kèm theo bồi thường thiệt hại.

## **3. Điều kiện hủy bỏ nghĩa vụ**

### **Điều 1183**

Điều kiện hủy bỏ là điều kiện mà khi xảy ra thì nghĩa vụ bị hủy bỏ và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu như chưa từng có cam kết.

Điều kiện hủy bỏ không có hiệu lực hoàn lại việc thực hiện nghĩa vụ, mà chỉ buộc người có quyền phải hoàn trả những gì đã nhận trong trường hợp sự kiện quy định trong điều kiện xảy ra.

### **Điều 1184**

Trong các hợp đồng song vụ, điều kiện hủy bỏ luôn được mặc nhiên áp dụng đối với trường hợp một bên không thực hiện cam kết của mình.

Trong trường hợp này, hợp đồng không đương nhiên bị hủy bỏ. Bên nào mà cam kết đối với họ không được thực hiện thì có quyền yêu cầu bên vi phạm phải thực hiện hợp đồng nếu có thể được, hoặc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và bồi thường thiệt hại.

Việc hủy bỏ hợp đồng phải do Tòa án quyết định. Tòa án có thể dành một thời hạn nhất định cho bên bị đơn để thực hiện nghĩa vụ, tùy từng trường hợp.

## **Mục II**

### **NGHĨA VỤ CÓ THỜI HẠN**

#### **Điều 1185**

Thời hạn khác với điều kiện ở chỗ thời hạn không đình chỉ hiệu lực của cam kết mà chỉ làm hoãn lại việc thực hiện cam kết.

#### **Điều 1186**

Người có quyền không thể yêu cầu thực hiện một nghĩa vụ có thời hạn trước khi đến thời hạn đó; người có nghĩa vụ không thể đòi lại những lợi ích mà mình đã chuyển giao trước thời hạn.

#### **Điều 1187**

Thời hạn bao giờ cũng được suy đoán theo hướng có lợi cho người có nghĩa vụ, trừ phi có quy định hoặc yếu tố khách quan cho thấy là thời hạn đã được thỏa thuận theo hướng có lợi cho người có quyền.

#### **Điều 1188**

(Luật số 85-98 ngày 25 tháng 1 năm 1985, Điều 217) Người có nghĩa vụ không thể yêu cầu được hưởng thời hạn nếu có hành vi hạn chế các biện pháp bảo đảm mà hợp đồng đã dành cho người có quyền.

## **Mục III**

### **NGHĨA VỤ CÓ ĐỐI TƯỢNG TÙY Ý LỰA CHỌN**

#### **Điều 1189**

Đối với nghĩa vụ có đối tượng tùy ý lựa chọn, người có nghĩa vụ được coi là thực hiện xong nghĩa vụ khi đã giao một trong hai vật là đối tượng của nghĩa vụ.

#### **Điều 1190**

Người có nghĩa vụ có quyền lựa chọn giữa các đối tượng, nếu hợp đồng không quy định rõ là dành quyền lựa chọn cho người có quyền.

#### **Điều 1191**

Người có nghĩa vụ được coi là thực hiện xong nghĩa vụ khi đã giao một trong hai vật đã cam kết, nhưng không thể buộc người có quyền phải nhận một phần của vật này và một phần của vật kia.

#### **Điều 1192**

Trong trường hợp một trong hai vật đã cam kết không thể là đối tượng của nghĩa vụ thì nghĩa vụ dù được cam kết dưới hình thức có đối tượng tùy ý lựa chọn vẫn chỉ có tính chất là nghĩa vụ thông thường.

#### **Điều 1193**

Nghĩa vụ có đối tượng tùy ý lựa chọn sẽ trở thành nghĩa vụ thông thường nếu một trong hai vật đã cam kết không còn tồn tại và không thể giao được nữa, kể cả khi do lỗi của người có nghĩa vụ. Không thể trả số tiền tương đương giá trị của vật thay cho vật.

Nếu cả hai vật đều không còn tồn tại, trong đó một vật không còn là do lỗi của người có nghĩa vụ, thì người có nghĩa vụ phải trả số tiền tương đương giá trị của vật mất sau.

#### **Điều 1194**

Trong các trường hợp quy định tại điều trên, khi hợp đồng đã dành quyền lựa chọn cho người có quyền thì:

Trong trường hợp chỉ một trong hai vật không còn tồn tại, nếu người có nghĩa vụ không có lỗi thì người có quyền phải nhận vật còn lại, còn nếu người có nghĩa vụ có lỗi thì người có quyền

có thể yêu cầu giao vật còn lại hoặc yêu cầu trả số tiền tương đương giá trị của vật bị mất;

Trong trường hợp cả hai vật bị mất, nếu việc cả hai vật bị mất hoặc một vật bị mất là do lỗi của người có nghĩa vụ thì người có quyền có thể yêu cầu trả số tiền tương đương giá trị của một trong hai vật tùy mình lựa chọn.

#### **Điều 1195**

Nếu trước khi người có nghĩa vụ bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ, cả hai vật đều không còn tồn tại mà không do lỗi của người có nghĩa vụ, thì nghĩa vụ chấm dứt theo quy định tại Điều 1302.

#### **Điều 1196**

Những quy định trên đây cũng được áp dụng đối với trường hợp nghĩa vụ có đối tượng tùy ý lựa chọn trong số nhiều hơn hai vật.

### **Mục IV**

## **NGHĨA VỤ LIÊN ĐỐI**

### **1. Liên đới giữa những người có quyền**

#### **Điều 1197**

Nghĩa vụ có tính chất liên đới giữa những người có quyền nếu thỏa thuận có quy định rõ mỗi người trong số những người có quyền đều có thể yêu cầu người có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, và việc thực hiện nghĩa vụ đối với một trong số những người có quyền làm cho người có nghĩa vụ được giải phóng khỏi nghĩa vụ, mặc dù lợi ích từ nghĩa vụ được phân chia giữa những người có quyền.

#### **Điều 1198**

Người có nghĩa vụ có quyền chọn thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bất kỳ ai trong số những người có quyền liên đới,

với điều kiện chưa bị một người trong số họ kiện đòi.

Tuy nhiên, trong trường hợp chỉ có một trong số những người có quyền liên đới miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ, thì người có nghĩa vụ chỉ được miễn thực hiện phần nghĩa vụ đối với người có quyền đó.

#### **Điều 1199**

Mọi hành vi làm gián đoạn thời hiệu đối với một trong số những người có quyền liên đới đều có lợi cho tất cả những người có quyền liên đới còn lại.

### **2. Liên đới giữa những người có nghĩa vụ**

#### **Điều 1200**

Có sự liên đới giữa những người có nghĩa vụ nếu họ có nghĩa vụ với cùng một đối tượng, theo đó bất cứ ai trong số họ đều có thể bị yêu cầu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, và khi một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì những người còn lại hết trách nhiệm đối với người có quyền.

#### **Điều 1201**

Trong trường hợp nhiều người có cùng một nghĩa vụ nhưng phải thực hiện nghĩa vụ một cách khác nhau thì nghĩa vụ đó vẫn có thể là nghĩa vụ liên đới; ví dụ như khi phần nghĩa vụ của người này là nghĩa vụ có điều kiện, trong khi phần nghĩa vụ của người kia là nghĩa vụ thông thường, hoặc khi phần nghĩa vụ của người này là có thời hạn trong khi phần nghĩa vụ của người kia không có thời hạn.

#### **Điều 1202**

Tính chất liên đới không thể được suy đoán mà phải được quy định rõ trong hợp đồng.

Chỉ không áp dụng nguyên tắc này trong trường hợp nghĩa vụ liên đới đương nhiên theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 1203**

Đối với một nghĩa vụ liên đới, người có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ liên đới đó phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, người bị yêu cầu không thể chống lại bằng cách phân chia nghĩa vụ cho mỗi người để thực hiện.

#### **Điều 1204**

Khi người có quyền đã khởi kiện một trong số những người có nghĩa vụ liên đới thì vẫn có quyền khởi kiện tương tự đối với những người có nghĩa vụ còn lại.

#### **Điều 1205**

Nếu vật là đối tượng của nghĩa vụ không còn tồn tại do lỗi của một hay nhiều người trong số những người có nghĩa vụ liên đới hoặc trong khi họ đang bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ, thì những người có nghĩa vụ còn lại không được miễn việc thực hiện nghĩa vụ trả số tiền tương đương giá trị của vật, nhưng không có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại.

Người có quyền chỉ có thể đòi bồi thường thiệt hại đối với người có nghĩa vụ nào đã có lỗi làm cho vật không còn tồn tại và người có nghĩa vụ nào đang bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ khi vật bị mất.

#### **Điều 1206**

Việc khởi kiện một trong những người có nghĩa vụ liên đới làm gián đoạn thời hiệu khởi kiện đối với tất cả những người có nghĩa vụ liên đới còn lại.

#### **Điều 1207**

Việc yêu cầu một trong những người có nghĩa vụ liên đới phải trả lãi cũng làm cho những người có nghĩa vụ liên đới còn lại phải chịu lãi.

#### **Điều 1208**

Người có nghĩa vụ liên đới bị người có quyền kiện đòi có thể

đưa ra mọi lập luận phản đối xuất phát từ tính chất của nghĩa vụ và lập luận phản đối của riêng mình cũng như của chung tất cả những người có nghĩa vụ liên đới.

Người có nghĩa vụ liên đới khi bị kiện đòi không được đưa ra những lập luận phản đối của cá nhân một số người có nghĩa vụ liên đới còn lại.

#### **Điều 1209**

Khi một trong số những người có nghĩa vụ liên đới trở thành người thừa kế duy nhất của người có quyền hoặc khi người có quyền trở thành người thừa kế duy nhất của một trong số những người có nghĩa vụ liên đới, thì việc hòa nhập người có quyền và người có nghĩa vụ này chỉ làm chấm dứt nghĩa vụ liên đới tương ứng với phần của người có quyền hay người có nghĩa vụ đó.

#### **Điều 1210**

Trong trường hợp người có quyền đồng ý miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho một trong số những người có nghĩa vụ liên đới, người có quyền vẫn có quyền kiện đòi liên đới đối với những người còn lại, nhưng phải trừ đi phần nghĩa vụ của người có nghĩa vụ đã được tách khỏi sự liên đới.

#### **Điều 1211**

Trong trường hợp người có quyền tiếp nhận việc thực hiện phần nghĩa vụ của riêng một trong số những người có nghĩa vụ liên đới nhưng trong chứng từ không bảo lưu sự liên đới hoặc các quyền nói chung của mình, thì người có quyền chỉ từ bỏ sự liên đới đối với riêng người có nghĩa vụ đó.

Trong trường hợp người có quyền nhận của một trong số những người có nghĩa vụ liên đới một khoản tiền tương đương với giá trị phần nghĩa vụ của người đó, nếu chứng từ không ghi rõ là “để thực hiện phần nghĩa vụ của người trả tiền” thì không

coi là người có quyền miễn việc thực hiện nghĩa vụ liên đới cho người có nghĩa vụ đó.

Cũng tương tự như vậy trong trường hợp người có quyền chỉ yêu cầu một trong số những người có nghĩa vụ liên đới thực hiện phần nghĩa vụ của riêng mình, nhưng người này không đồng ý thực hiện hoặc Tòa án không ra quyết định buộc phải thực hiện.

#### **Điều 1212**

Nếu người có quyền tiếp nhận, một cách riêng rẽ và không có bảo lưu, việc thực hiện phần nghĩa vụ của một trong số những người có nghĩa vụ liên đới về các khoản lợi tức hoặc tiền lãi, thì người có quyền đó chỉ mất quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với các khoản lợi tức và lãi đến hạn, chứ không mất quyền yêu cầu đó đối với các khoản lợi tức và lãi chưa đến hạn cũng như số nợ gốc, trừ trường hợp việc thực hiện riêng rẽ nghĩa vụ đã diễn ra liên tục trong 10 năm.

#### **Điều 1213**

Nghĩa vụ liên đới cam kết đối với người có quyền đương nhiên được phân chia giữa những người có nghĩa vụ; trong quan hệ giữa những người có nghĩa vụ, mỗi người chỉ phải thực hiện phần nghĩa vụ của riêng mình.

#### **Điều 1214**

Nếu một người có nghĩa vụ liên đới đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì chỉ có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện đối với mình phần nghĩa vụ liên đới của họ.

Trong trường hợp một người trong số họ mất khả năng thanh toán, thì thiệt hại phát sinh được phân bổ cho những người có nghĩa vụ liên đới còn lại, kể cả người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Điều 1215**

Trong trường hợp người có quyền từ bỏ quyền yêu cầu thực

hiện nghĩa vụ liên đới đối với một trong số những người có nghĩa vụ, nếu một hoặc nhiều người có nghĩa vụ liên đới còn lại bị mất khả năng thanh toán thì phần nghĩa vụ của những người đó sẽ được phân bổ cho tất cả những người có nghĩa vụ liên đới còn lại, kể cả những người đã được người có quyền cho miễn thực hiện nghĩa vụ liên đới.

#### **Điều 1216**

Nếu công việc là đối tượng của nghĩa vụ liên đới chỉ liên quan đến một người trong số những người có nghĩa vụ liên đới thì người đó phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nghĩa vụ, vì những người có nghĩa vụ liên đới còn lại chỉ được coi là người bảo lãnh của người đó.

### **Mục V**

#### **NGHĨA VỤ PHÂN CHIA ĐƯỢC THEO PHẦN VÀ NGHĨA VỤ KHÔNG PHÂN CHIA ĐƯỢC THEO PHẦN**

#### **Điều 1217**

Tính chất phân chia được hoặc không phân chia được theo phần của nghĩa vụ tùy thuộc vào đối tượng của nghĩa vụ là một vật khi giao hoặc một công việc trong khi thực hiện có thể hoặc không thể phân chia được trên thực tế hoặc trên phương diện lý thuyết.

#### **Điều 1218**

Trong trường hợp đối tượng của nghĩa vụ là vật hoặc công việc về bản chất có thể phân chia được, nhưng nếu xét theo mối quan hệ trong nghĩa vụ thì không thể chia ra để thực hiện từng phần, thì nghĩa vụ đó vẫn là nghĩa vụ không phân chia được theo phần.

#### **Điều 1219**

Sự liên đới của nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng

không làm cho nghĩa vụ mang tính chất không phân chia được theo phần.

## **1. Hiệu lực của nghĩa vụ phân chia được theo phần**

### **Điều 1220**

Nghĩa vụ, dù có thể phân chia được theo phần, vẫn phải được thực hiện giữa người có quyền và người có nghĩa vụ như là nghĩa vụ không phân chia được theo phần. Tính chất phân chia được theo phần chỉ áp dụng đối với những người thừa kế của họ, theo đó, người thừa kế của người có quyền hoặc của người có nghĩa vụ chỉ có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoặc chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng với phần mà mình được hưởng hay phải thực hiện với tư cách là người đại diện của người có quyền hay người có nghĩa vụ.

### **Điều 1221**

Nguyên tắc quy định tại điều trên không áp dụng đối với những người thừa kế của người có nghĩa vụ trong các trường hợp sau đây:

1. Nghĩa vụ có thể chấp;
2. Đối tượng của nghĩa vụ là vật đặc định;
3. Nghĩa vụ có đối tượng tùy ý lựa chọn, trong đó quyền lựa chọn thuộc về người có quyền và một trong số các vật để lựa chọn là vật không chia được;
4. Chỉ một người trong số những người thừa kế được giao trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ;
5. Căn cứ vào tính chất của cam kết hoặc đối tượng của cam kết hoặc mục đích giao kết hợp đồng, xác định được ý định của các bên giao kết là nghĩa vụ không thể được thực hiện từng phần.

Trong ba trường hợp đầu, người thừa kế nào đang chiếm hữu vật là đối tượng của nghĩa vụ hoặc tài sản thế chấp để bảo

đảm nghĩa vụ, có thể bị kiện đòi về toàn bộ vật là đối tượng của nghĩa vụ hoặc tài sản thế chấp, trừ trường hợp người đó kiện những người đồng thừa kế. Trong trường hợp thứ tư, chỉ riêng người thừa kế chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ có thể bị khởi kiện yêu cầu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Còn trong trường hợp thứ năm, bất cứ ai trong số những người thừa kế đều có thể bị khởi kiện về toàn bộ nghĩa vụ, trừ trường hợp người đó kiện những người đồng thừa kế.

## **2. Hiệu lực của nghĩa vụ không phân chia được theo phần**

### **Điều 1222**

Trong trường hợp nhiều người cùng cam kết về một nghĩa vụ không phân chia được thì mỗi người trong số đó phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nghĩa vụ, mặc dù đó không phải là nghĩa vụ liên đới.

### **Điều 1223**

Quy định trên cũng được áp dụng đối với người thừa kế của người đã cam kết như trên.

### **Điều 1224**

Mỗi người thừa kế của người có quyền đều được quyền yêu cầu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ không phân chia được.

Mỗi người thừa kế không được một mình quyết định miễn việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ và không thể một mình nhận trả bằng tiền thay cho vật. Nếu một trong những người thừa kế đã một mình quyết định miễn việc thực hiện nghĩa vụ hoặc nhận số tiền tương đương giá trị của vật, thì người đồng thừa kế chỉ có thể yêu cầu giao vật không chia được sau khi đã trừ đi phần của người thừa kế đã cho miễn hoặc đã nhận tiền thay cho vật.

#### **Điều 1225**

Nếu một người thừa kế của người có nghĩa vụ bị kiện đòi về toàn bộ nghĩa vụ thì có thể đề nghị được hưởng một thời hạn để yêu cầu các đồng thừa kế khác ra dự sự, trừ phi nghĩa vụ đó chỉ có thể do chính người thừa kế bị kiện thực hiện. Trong trường hợp này, một mình người thừa kế đó có thể bị xử phải thực hiện nghĩa vụ, trừ phi người đó kiện đòi các đồng thừa kế phải bồi thường.

### **Mục VI**

#### **NGHĨA VỤ KÈM THEO PHẠT VI PHẠM**

#### **Điều 1226**

Điều khoản phạt vi phạm là điều khoản theo đó, để bảo đảm thực hiện hợp đồng, một bên cam kết làm một việc nào đó trong trường hợp không thực hiện hợp đồng.

#### **Điều 1227**

Nếu nghĩa vụ chính vô hiệu thì điều khoản phạt vi phạm cũng vô hiệu. Sự vô hiệu của điều khoản phạt vi phạm không làm cho nghĩa vụ chính vô hiệu.

#### **Điều 1228**

Thay vì đòi phạt vi phạm như đã quy định trong hợp đồng đối với người có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ, người có quyền có thể yêu cầu người có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ chính.

#### **Điều 1229**

Điều khoản phạt vi phạm là sự đền bù các thiệt hại do việc không thực hiện nghĩa vụ chính gây ra cho người có quyền.

Người có quyền không thể vừa yêu cầu thực hiện nghĩa vụ chính, vừa đòi phạt vi phạm, trừ phi điều khoản phạt vi phạm được quy định riêng cho trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ.

#### **Điều 1230**

Dù hợp đồng có quy định hay không có quy định một thời

hạn để thực hiện nghĩa vụ chính, điều khoản phạt vi phạm chỉ được áp dụng khi người có nghĩa vụ giao vật hoặc nghĩa vụ tiếp nhận hoặc nghĩa vụ làm một công việc không thực hiện nghĩa vụ của mình.

#### **Điều 1231**

(Luật số 75-597 ngày 9 tháng 7 năm 1975) Khi cam kết đã được thực hiện một phần, Tòa án có thể (Luật số 85-1097 ngày 11 tháng 10 năm 1985) “mặc nhiên” giảm mức phạt đã thỏa thuận, trên cơ sở tỷ lệ với lợi ích mà người có quyền đã được hưởng do nghĩa vụ đã được thực hiện một phần và không trái với quy định tại Điều 1152. Mọi điều khoản trái lại coi như vô hiệu.

#### **Điều 1232**

Nếu nghĩa vụ cam kết ban đầu kèm theo điều khoản phạt vi phạm có đối tượng là một vật không thể chia được thì chỉ cần một người trong số những người thừa kế của người có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ là có thể áp dụng điều khoản phạt vi phạm. Khoản tiền phạt vi phạm sẽ do người vi phạm nghĩa vụ chịu toàn bộ, hoặc phân bổ cho từng người thừa kế trên cơ sở tỷ lệ với phần di sản được hưởng, và nếu là nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp thì một người thừa kế có thể phải chịu toàn bộ, trừ trường hợp những người thừa kế còn lại kiện đòi người đã vi phạm nghĩa vụ.

#### **Điều 1233**

Nếu nghĩa vụ cam kết ban đầu kèm theo điều khoản phạt vi phạm là nghĩa vụ phân chia được theo phần, thì việc phạt vi phạm chỉ áp dụng đối với người thừa kế nào của người có nghĩa vụ đã vi phạm nghĩa vụ và cũng chỉ áp dụng riêng đối với phần nghĩa vụ của người đó, chứ không áp dụng đối với những người đồng thừa kế đã thực hiện nghĩa vụ.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp điều khoản phạt vi phạm là điều khoản bổ sung nhằm quy định rằng không

được thực hiện nghĩa vụ theo từng phần, nhưng một người đồng thừa kế đã cản trở việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Trong trường hợp này, có thể yêu cầu người đó phải nộp toàn bộ tiền phạt và cũng có thể yêu cầu những người đồng thừa kế khác phải chịu theo phần của họ, trừ trường hợp họ khiếu nại.

## **Chương V**

### **CHẤM DỨT NGHĨA VỤ**

#### **Điều 1234**

Nghĩa vụ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Do nghĩa vụ đã được thực hiện;
- Do nghĩa vụ được thay thế bằng nghĩa vụ khác;
- Do bên có quyền miễn việc thực hiện nghĩa vụ;
- Do bù trừ nghĩa vụ;
- Do người có quyền và người có nghĩa vụ hòa nhập làm một;
- Do vật là đối tượng của nghĩa vụ không còn;
- Do vô hiệu hoặc bị hủy bỏ;
- Do hiệu lực của điều kiện hủy bỏ theo quy định tại Chương trước;
- Do hết thời hiệu, thời hiệu sẽ được quy định tại một Thiên riêng.

### **Mục I**

#### **THỰC HIỆN NGHĨA VỤ**

#### **1. Quy định chung về thực hiện nghĩa vụ**

#### **Điều 1235**

Chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi có nghĩa vụ: người nhận thực hiện nghĩa vụ mà không có quyền thì phải hoàn trả lại phần đã nhận.

Đối với các nghĩa vụ tự nhiên, người đã tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thì không có quyền đòi lại những gì đã thực hiện.

#### **Điều 1236**

Nghĩa vụ có thể do bất kỳ người nào có liên quan thực hiện, dù là người có nghĩa vụ hay người bảo lãnh.

Nghĩa vụ cũng có thể do người thứ ba không liên quan thực hiện, với điều kiện người thứ ba đó thực hiện nghĩa vụ nhân danh người có nghĩa vụ và thay cho người có nghĩa vụ, hoặc nếu nhân danh cá nhân mình thì người thứ ba đó không được là người thế quyền của người có quyền.

#### **Điều 1237**

Nghĩa vụ phải làm một công việc không thể do người thứ ba thực hiện trái với ý muốn của người có quyền, nếu người có quyền có lợi trong việc buộc chính người có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ.

#### **Điều 1238**

Để việc thực hiện nghĩa vụ có hiệu lực pháp luật thì người thực hiện nghĩa vụ phải là chủ sở hữu của vật chuyển giao nhằm thực hiện nghĩa vụ và phải có đầy đủ năng lực hành vi để chuyển giao vật đó.

Tuy nhiên, trong trường hợp thực hiện nghĩa vụ trả một khoản tiền hoặc chuyển giao một vật tiêu hao thì không thể đòi người có quyền đã sử dụng khoản tiền hoặc vật đó một cách ngay tình phải trả lại, mặc dù người đã trả khoản tiền đó hoặc đã chuyển giao vật đó không phải là chủ sở hữu hoặc không phải là người có đầy đủ năng lực hành vi để chuyển giao.

#### **Điều 1239**

Nghĩa vụ phải được thực hiện đối với chính người có quyền hoặc người được người có quyền ủy quyền hoặc người được Tòa

án hay pháp luật cho phép tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ thay cho người có quyền.

Việc thực hiện nghĩa vụ đối với người không có quyền tiếp nhận thực hiện nghĩa vụ thay cho người có quyền vẫn có hiệu lực nếu người có quyền chấp nhận hoặc đã được hưởng lợi ích từ việc thực hiện nghĩa vụ đó.

#### **Điều 1240**

Việc thực hiện nghĩa vụ một cách ngay tình đối với người có quyền yêu cầu vẫn có giá trị dù sau đó, người đó bị mất quyền đó.

#### **Điều 1241**

Việc thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền sẽ không có giá trị nếu người có quyền đó không có, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự để tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ, trừ phi người có nghĩa vụ chứng minh được rằng việc thực hiện nghĩa vụ có lợi cho người có quyền.

#### **Điều 1242**

Khi người có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền, mặc dù đã có biện pháp kê biên hoặc phản đối, thì việc thực hiện nghĩa vụ đó không có giá trị đối với những người có quyền yêu cầu kê biên hoặc phản đối. Những người có quyền này, tùy theo quyền của mình, có thể buộc người có nghĩa vụ phải thực hiện lại nghĩa vụ đối với mình, và trong trường hợp này người có nghĩa vụ có quyền yêu cầu đối với người có quyền đã được thực hiện.

#### **Điều 1243**

Người có quyền không thể bị buộc phải tiếp nhận một vật khác vật đã cam kết, dù vật đó có giá trị bằng hoặc lớn hơn vật đã cam kết.

#### **Điều 1244**

(Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 83) Người có nghĩa vụ không thể buộc người có quyền tiếp nhận việc thực hiện một phần nghĩa vụ, kể cả khi đó là nghĩa vụ phân chia được theo phần.

#### **Điều 1244-1**

(Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 83) Tuy nhiên, căn cứ vào hoàn cảnh của người có nghĩa vụ và yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể ra quyết định hoãn việc trả nợ hoặc cho phép trả làm nhiều lần, trong phạm vi hai năm.

Tòa án có thể ra một quyết định đặc biệt và nêu rõ lý do, trong đó quy định rằng các khoản tiền nợ được hoãn trả sẽ phải chịu lãi với lãi suất thấp hơn lãi suất ban đầu, nhưng không được thấp hơn lãi suất do luật định, hoặc các khoản thanh toán sẽ khấu trừ trước tiên vào số nợ gốc.

Ngoài ra, Tòa án có thể quy định điều kiện để thực hiện các biện pháp trên là người có nghĩa vụ phải có hành vi nhằm tạo điều kiện thuận lợi hoặc bảo đảm cho việc thanh toán nghĩa vụ.

Các quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp nghĩa vụ cấp dưỡng.

#### **Điều 1244-2**

(Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 83) Quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 1244-1 có hiệu lực đình chỉ các thủ tục buộc phải thực hiện nghĩa vụ mà người có quyền có thể đã tiến hành. Việc tăng tiền lãi hoặc phạt do chậm trả sẽ tạm ngừng áp dụng trong một thời hạn do Tòa án ấn định.

#### **Điều 1244-3**

(Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991, Điều 83) Mọi điều

khoản trong hợp đồng trái với quy định tại Điều 1244-1 và 1244-2 đều coi như vô hiệu.

#### **Điều 1245**

Người có nghĩa vụ chuyển giao một vật đặc định và được xác định cụ thể được coi là đã thực hiện xong nghĩa vụ sau khi chuyển giao vật đó theo tình trạng khi giao, với điều kiện nếu vật bị hư hỏng thì sự hư hỏng này không phải do hành vi hoặc do lỗi của người có nghĩa vụ hoặc của những người mà người có nghĩa vụ chịu trách nhiệm, hoặc hư hỏng đó xảy ra trước khi người có nghĩa vụ bị yêu cầu thực hiện nghĩa vụ.

#### **Điều 1246**

Nếu nghĩa vụ có đối tượng là một vật chỉ xác định được về chủng loại thì người có nghĩa vụ không có trách nhiệm phải giao vật thuộc loại tốt nhất, nhưng cũng không thể giao vật thuộc loại xấu nhất.

#### **Điều 1247**

(Pháp lệnh số 58-1298 ngày 31 tháng 12 năm 1958, Điều 35)  
Nghĩa vụ phải được thực hiện tại đúng địa điểm như đã thỏa thuận. Trong trường hợp không có thỏa thuận về địa điểm thực hiện nghĩa vụ, nếu nghĩa vụ có đối tượng là vật đặc định thì phải được thực hiện tại nơi có vật đó vào thời điểm giao kết hợp đồng.

Tiền cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án phải được trả tại nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người có quyền nhận, trừ phi Tòa án có quyết định khác.

Ngoài các trường hợp trên, nghĩa vụ phải được thực hiện tại nơi thường trú của người có nghĩa vụ.

#### **Điều 1248**

Người có nghĩa vụ phải chịu mọi chi phí về việc thực hiện nghĩa vụ.

## **2. Thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp thay thế người có quyền**

### **Điều 1249**

Người thứ ba đã thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền sẽ thay thế người có quyền theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Điều 1250**

Việc thay thế được thực hiện theo thỏa thuận trong các trường hợp sau đây:

1. Người có quyền khi đã tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ từ người thứ ba thì để người này thay thế mình thực hiện các quyền, quyền khởi kiện, quyền ưu tiên và quyền thế chấp của mình đối với người có nghĩa vụ. Việc thay thế này phải được quy định rõ ràng và được thực hiện đồng thời với việc thực hiện nghĩa vụ;

2. Người có nghĩa vụ vay một khoản tiền của người thứ ba để dùng vào việc thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền và để người cho vay này thay thế thực hiện các quyền của người có quyền ban đầu. Trong trường hợp này, để việc thế quyền có giá trị thì cần phải thỏa mãn các điều kiện sau: giấy tờ vay nợ và giấy biên nhận thực hiện xong nghĩa vụ phải được công chứng viên xác nhận; giấy tờ vay nợ phải ghi rõ rằng số tiền vay được dùng để thực hiện nghĩa vụ và giấy biên nhận thực hiện nghĩa vụ phải ghi rõ rằng nghĩa vụ đã được thực hiện là nhờ số tiền mà người có quyền mới đã cho vay. Việc thay thế này không cần phải có sự đồng ý của người có quyền ban đầu.

### **Điều 1251**

Việc thay thế người có quyền là đương nhiên trong các trường hợp sau đây:

1. Người có quyền đã thực hiện nghĩa vụ đối với một người

có quyền khác thuộc hạng ưu tiên hơn mình do có thể chấp hoặc được ưu tiên;

2. Người mua bất động sản dùng số tiền mua bất động sản để thực hiện nghĩa vụ đối với những người có quyền thế chấp trên bất động sản đó;

3. Người đã một mình thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền trong khi chỉ là một trong số những người có nghĩa vụ đó hoặc là người thực hiện nghĩa vụ thay cho những người khác;

4. Người thừa kế đã dùng tài sản của mình thực hiện những nghĩa vụ thuộc di sản thừa kế đối với người có quyền.

### **Điều 1252**

Việc thay thế người có quyền theo quy định tại các điều trên liên quan đến cả người bảo lãnh lẫn người có nghĩa vụ: việc thay thế không thể gây thiệt hại cho người có quyền nếu nghĩa vụ mới chỉ được thực hiện một phần; trong trường hợp này, người có quyền vẫn thực hiện các quyền của mình đối với phần nghĩa vụ chưa được thực hiện.

## **3. Thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp khấu trừ**

### **Điều 1253**

Người có nhiều nghĩa vụ, khi thực hiện nghĩa vụ, có quyền cho biết mình định thực hiện nghĩa vụ nào.

### **Điều 1254**

Đối với nghĩa vụ trả một khoản tiền phải chịu lãi hoặc phát sinh lợi tức định kỳ, nếu không có sự đồng ý của người có quyền thì người có nghĩa vụ không được khấu trừ số tiền thanh toán cho nợ gốc vào tiền lãi hoặc lợi tức định kỳ. Số tiền thanh toán cho nợ gốc và lãi mà chưa đủ thì khấu trừ trước tiên vào tiền lãi.

### **Điều 1255**

Trong trường hợp người có nhiều nghĩa vụ đã chấp nhận

một giấy biên nhận trong đó người có quyền đã khấu trừ những gì mình nhận được vào riêng một trong những nghĩa vụ đó, thì người có nghĩa vụ không được yêu cầu khấu trừ vào một nghĩa vụ khác, trừ phi người có quyền đã có hành vi lừa dối hoặc gian dối.

#### **Điều 1256**

Trong trường hợp giấy biên nhận không ghi rõ khấu trừ vào nghĩa vụ nào thì khoản đã thanh toán phải được khấu trừ vào nghĩa vụ nào trong số những nghĩa vụ cùng đến hạn mà người có nghĩa vụ sẽ có lợi nhất khi thực hiện; nếu không thì khấu trừ vào nghĩa vụ đến hạn, mặc dù nghĩa vụ đó có giá trị thấp hơn các nghĩa vụ chưa đến hạn.

Nếu các nghĩa vụ có giá trị bằng nhau thì khấu trừ vào nghĩa vụ đã có từ lâu nhất; nếu mọi điều kiện đều như nhau thì khấu trừ theo tỷ lệ.

### **4. Đề nghị thực hiện nghĩa vụ và ký gửi**

#### **Điều 1257**

Nếu người có quyền từ chối tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ thì người có nghĩa vụ có thể trực tiếp đề nghị người có quyền tiếp nhận và giao tận tay người có quyền số tiền phải trả hoặc vật phải giao; nếu người có quyền vẫn từ chối thì người có nghĩa vụ có thể ký gửi số tiền hoặc vật đó.

Việc tiến hành ký gửi sau khi đề nghị giao cho người có quyền đối tượng của nghĩa vụ thì giải phóng người có nghĩa vụ. Nếu các thủ tục đó được tiến hành một cách hợp lệ thì có giá trị như việc thực hiện nghĩa vụ và người có quyền phải chịu mọi rủi ro đối với số tiền hay vật đã ký gửi đó.

#### **Điều 1258**

Để việc đề nghị trực tiếp và giao tận tay nói trên có hiệu lực thì phải hội đủ các điều kiện sau:

1. Người có quyền phải có đầy đủ năng lực hành vi để tiếp nhận việc đó hoặc có người được quyền tiếp nhận thay người có quyền;

2. Người thực hiện việc đó phải là người có đầy đủ năng lực hành vi để thực hiện nghĩa vụ;

3. Đề nghị thực hiện nghĩa vụ là thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đến hạn, kể cả lợi tức hoặc lãi đến hạn, các chi phí đã thanh toán và một khoản tiền cho các chi phí chưa thanh toán, dù có phải bù thêm cho đủ;

4. Nghĩa vụ đã đến hạn thực hiện, nếu thời hạn được quy định theo hướng có lợi cho người có quyền;

5. Điều kiện theo đó nghĩa vụ được cam kết đã xảy ra;

6. Đề nghị thực hiện nghĩa vụ được tiến hành tại địa điểm thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận riêng về địa điểm thực hiện nghĩa vụ thì việc đề nghị trực tiếp và trao tận tay nói trên phải được thực hiện đối với chính người có quyền, hoặc tại nơi cư trú của người có quyền, hoặc tại nơi người có quyền chọn làm địa điểm thực hiện hợp đồng;

7. Việc lập văn bản đề nghị phải do một nhân viên công quyền có tư cách làm các loại chứng thư này thực hiện.

#### **Điều 1259**

Điều này bị bãi bỏ theo Nghị định số 81-500 ngày 12 tháng 5 năm 1981.

#### **Điều 1260**

Các chi phí để trao tận tay đối tượng của nghĩa vụ cho người có quyền hoặc ký gửi do người có quyền chịu, với điều kiện các thủ tục này được tiến hành một cách hợp lệ.

#### **Điều 1261**

Khi việc ký gửi chưa được người có quyền chấp nhận thì người có nghĩa vụ có thể rút lại việc ký gửi đó; trong trường hợp này, những người cùng có nghĩa vụ hoặc người bảo lãnh của người có nghĩa vụ không được giải phóng khỏi nghĩa vụ.

#### **Điều 1262**

Trong trường hợp một bản án có hiệu lực pháp luật đã công nhận việc trao tận tay và ký gửi là hợp lệ và có hiệu lực thì kể cả khi có sự đồng ý của người có quyền, người có nghĩa vụ cũng không được rút lại việc ký gửi gây thiệt hại cho những người cùng có nghĩa vụ hoặc người bảo lãnh của mình.

#### **Điều 1263**

Trong trường hợp người có quyền đã đồng ý cho người có nghĩa vụ rút lại việc ký gửi sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật công nhận hiệu lực của việc ký gửi, thì để cho nghĩa vụ đối với mình được thực hiện, người có quyền không được sử dụng các quyền ưu tiên và quyền thế chấp gắn với nghĩa vụ đó; quyền thế chấp của người có quyền chỉ chấm dứt kể từ ngày chứng thư cho phép rút lại việc ký gửi tuân theo đúng các điều kiện hình thức để rút lại thế chấp.

#### **Điều 1264**

Nếu đối tượng của nghĩa vụ là một vật đặc định và phải được giao tại nơi có vật đó thì người có nghĩa vụ phải yêu cầu người có quyền đến lấy vật, bằng cách gửi văn bản thông báo cho đích thân người có quyền hoặc gửi đến nơi cư trú của người có quyền hoặc nơi được chọn làm địa điểm thực hiện hợp đồng. Sau khi thông báo, nếu người có quyền không lấy vật đi và người có nghĩa vụ lại có nhu cầu sử dụng nơi để vật đó thì người có nghĩa vụ có thể xin phép Tòa án để ký gửi ở một nơi khác.

### **5. Chuyển nhượng tài sản**

#### **Các điều từ 1265 đến 1270**

Bị bãi bỏ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1993, theo Luật số 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991.

## **Mục II**

### **THAY THẾ NGHĨA VỤ BẰNG NGHĨA VỤ KHÁC**

#### **Điều 1271**

Nghĩa vụ được thay thế bằng nghĩa vụ khác trong ba trường hợp sau:

1. Người có nghĩa vụ cam kết với người có quyền một nghĩa vụ mới thay thế cho nghĩa vụ cũ và nghĩa vụ cũ chấm dứt;
2. Người có nghĩa vụ được người có quyền giải phóng khỏi nghĩa vụ và được thay thế bằng một người có nghĩa vụ mới;
3. Có một cam kết mới theo đó người có quyền được thay thế bằng một người có quyền mới và người có nghĩa vụ được giải phóng khỏi nghĩa vụ đối với người có quyền ban đầu.

#### **Điều 1272**

Việc thay thế nghĩa vụ chỉ có thể được thực hiện giữa những người có năng lực giao kết hợp đồng.

#### **Điều 1273**

Việc thay thế nghĩa vụ không được phép suy đoán; ý chí thay thế nghĩa vụ bằng nghĩa vụ khác phải được thể hiện rõ ràng trong chứng thư.

#### **Điều 1274**

Thay thế nghĩa vụ bằng cách thay thế người có nghĩa vụ có thể được thực hiện mà không cần có sự tham gia của người có nghĩa vụ ban đầu.

#### **Điều 1275**

Trường hợp người có nghĩa vụ ủy quyền cho một người khác cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền không được coi là thay thế nghĩa vụ, trừ phi người có quyền tuyên bố rõ ràng là sẽ miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ đã ủy quyền.

**Điều 1276**

Trong trường hợp người có quyền đã miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ đã ủy quyền, nếu người được ủy quyền mất khả năng thanh toán thì người có quyền không thể khởi kiện người có nghĩa vụ ban đầu, trừ phi chứng thư có điều khoản bảo lưu rõ ràng về quyền khởi kiện, hoặc người được ủy quyền bị mở thủ tục phá sản hoặc đang trong tình trạng mất khả năng thanh toán vào thời điểm được ủy quyền.

**Điều 1277**

Việc người có nghĩa vụ đơn thuần chỉ định một người khác thực hiện nghĩa vụ thay cho mình không được coi là thay thế nghĩa vụ.

Việc người có quyền đơn thuần chỉ định một người khác thay mình tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ cũng không được coi là thay thế nghĩa vụ.

**Điều 1278**

Các quyền ưu tiên và quyền thế chấp gắn với nghĩa vụ ban đầu không được chuyển sang nghĩa vụ thay thế, trừ phi người có quyền tuyên bố bảo lưu các quyền đó.

**Điều 1279**

Trong trường hợp thay thế nghĩa vụ dưới hình thức thay thế người có nghĩa vụ, thì các quyền ưu tiên và quyền thế chấp ban đầu của nghĩa vụ không được chuyển sang tài sản của người có nghĩa vụ mới.

(Luật số 71-579 ngày 16 tháng 7 năm 1971, Điều 46) “Các quyền ưu tiên và quyền thế chấp ban đầu của nghĩa vụ có thể được bảo lưu để bảo đảm việc thực hiện cam kết của người có nghĩa vụ mới, với điều kiện có sự đồng ý của chủ sở hữu các tài sản là đối tượng của các quyền đó”.

**Điều 1280**

Trong trường hợp thay thế nghĩa vụ diễn ra giữa người có

quyền và một trong những người có nghĩa vụ liên đới, các quyền ưu tiên và quyền thế chấp của nghĩa vụ ban đầu chỉ có thể được bảo lưu sang tài sản của người đã cam kết nghĩa vụ mới.

#### **Điều 1281**

Trong trường hợp thay thế nghĩa vụ giữa người có quyền và một trong những người có nghĩa vụ liên đới, những người có nghĩa vụ liên đới còn lại được giải phóng khỏi nghĩa vụ.

Việc thay thế nghĩa vụ được thực hiện đối với người có nghĩa vụ chính sẽ giải phóng những người bảo lãnh khỏi nghĩa vụ.

Tuy nhiên, nếu người có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới còn lại trong trường hợp thứ nhất hoặc người bảo lãnh trong trường hợp thứ hai tham gia vào nghĩa vụ mới mà những người này từ chối thì nghĩa vụ ban đầu vẫn tồn tại.

### **Mục III**

#### **MIỄN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ**

#### **Điều 1282**

Việc người có quyền tự nguyện giao cho người có nghĩa vụ bản gốc tư chứng thư được coi là chứng cứ của việc miễn trừ nghĩa vụ.

#### **Điều 1283**

Việc người có quyền tự nguyện giao bản sao chứng thư có đóng dấu “có hiệu lực thi hành” được suy đoán là miễn thực hiện nghĩa vụ hoặc đã thực hiện nghĩa vụ, trừ phi có chứng cứ ngược lại.

#### **Điều 1284**

Việc người có quyền giao cho một trong những người có nghĩa vụ liên đới bản gốc tư chứng thư hoặc bản sao chứng thư có đóng dấu “có hiệu lực thi hành” có hiệu lực tương tự đối với tất cả những người có nghĩa vụ liên đới còn lại.

#### **Điều 1285**

Việc miễn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận cho một trong những người có nghĩa vụ liên đới có hiệu lực giải phóng tất cả những người có nghĩa vụ khác khỏi nghĩa vụ, trừ trường hợp người có quyền đã tuyên bố bảo lưu các quyền của mình đối với những người có nghĩa vụ liên đới khác.

Trong trường hợp này, người có quyền chỉ có thể yêu cầu thực hiện nghĩa vụ sau khi đã trừ đi phần nghĩa vụ được miễn.

#### **Điều 1286**

Việc người có quyền giao lại vật cầm cố không đủ căn cứ để suy đoán là miễn thực hiện nghĩa vụ.

#### **Điều 1287**

Việc miễn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận cho người có nghĩa vụ chính có hiệu lực giải phóng người bảo lãnh khỏi nghĩa vụ;

Việc miễn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận cho người bảo lãnh không có hiệu lực giải phóng người có nghĩa vụ chính khỏi nghĩa vụ;

Việc miễn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận cho một trong những người bảo lãnh không có hiệu lực giải phóng những người bảo lãnh khác khỏi nghĩa vụ.

#### **Điều 1288**

Những gì mà người có quyền tiếp nhận từ một người bảo lãnh để giải phóng cho người đó khỏi nghĩa vụ bảo lãnh phải được khấu trừ vào nghĩa vụ và có hiệu lực miễn trừ nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ chính và những người bảo lãnh còn lại.

### **Mục IV**

### **BÙ TRỪ NGHĨA VỤ**

#### **Điều 1289**

Trong trường hợp hai người cùng có nghĩa vụ đối với nhau

thì họ được thực hiện việc bù trừ nghĩa vụ cho nhau và chấm dứt nghĩa vụ theo phương thức và trong các trường hợp quy định sau đây.

#### **Điều 1290**

Việc bù trừ nghĩa vụ được thực hiện đương nhiên theo quy định của pháp luật, kể cả khi những người có nghĩa vụ không biết; hai nghĩa vụ bù trừ cho nhau cùng chấm dứt vào thời điểm mà những nghĩa vụ đó cùng tồn tại, tương ứng với phần bù trừ của mỗi nghĩa vụ.

#### **Điều 1291**

Việc bù trừ chỉ có thể được thực hiện giữa hai nghĩa vụ có cùng đối tượng là một khoản tiền hoặc một khối lượng nhất định vật tiêu hao cùng loại, có cùng giá trị nhất định và có thể được đòi thực hiện bất cứ lúc nào.

Nghĩa vụ cấp dưỡng bằng lương thực thực phẩm cũng có thể bù trừ với nghĩa vụ trả một khoản tiền cụ thể và có thể đòi bất cứ lúc nào, với điều kiện đó là nghĩa vụ không có tranh chấp và giá thanh toán dựa theo biểu giá trên thị trường.

#### **Điều 1292**

Việc gia hạn thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của Tòa án không cản trở việc bù trừ nghĩa vụ.

#### **Điều 1293**

Việc bù trừ nghĩa vụ được thực hiện không phụ thuộc vào căn cứ của nghĩa vụ, trừ các trường hợp sau đây:

1. Nghĩa vụ xuất phát từ yêu cầu hoàn trả vật đã bị tước đoạt từ chủ sở hữu một cách vô căn cứ;
2. Nghĩa vụ xuất phát từ yêu cầu hoàn trả tài sản đã gửi giữ hoặc cho mượn;
3. Nghĩa vụ có căn cứ là tiền cấp dưỡng không thể kê biên.

**Điều 1294**

Người bảo lãnh có thể viện dẫn việc bù trừ nghĩa vụ mà mình bảo lãnh với nghĩa vụ của người có quyền đối với người có nghĩa vụ chính;

Nhưng người có nghĩa vụ chính không được viện dẫn việc bù trừ nghĩa vụ của mình với nghĩa vụ của người có quyền đối với người bảo lãnh;

Người có nghĩa vụ liên đới cũng không được viện dẫn việc bù trừ nghĩa vụ liên đới với nghĩa vụ của người có quyền đối với người có nghĩa vụ liên đới còn lại.

**Điều 1295**

Trong trường hợp người có quyền chuyển nhượng các quyền của mình cho người thứ ba, mà người có nghĩa vụ đã chấp thuận y nguyên như vậy, thì người có nghĩa vụ không được viện dẫn đối với người thế quyền việc bù trừ nghĩa vụ mà lẽ ra trước khi chấp thuận việc chuyển nhượng, người có nghĩa vụ có thể viện dẫn ra với người nhượng quyền.

Trong trường hợp việc chuyển nhượng quyền của người có quyền cho người thứ ba không được người có nghĩa vụ chấp thuận nhưng đã được thông báo cho người có nghĩa vụ thì nghĩa vụ chỉ không thể bù trừ với những nghĩa vụ phát sinh sau khi thông báo.

**Điều 1296**

Khi hai nghĩa vụ không được thực hiện ở cùng một địa điểm thì chỉ có thể viện dẫn việc bù trừ nghĩa vụ sau khi đã tính toán hợp lý các chi phí chuyển giao.

**Điều 1297**

Trong trường hợp một người có nhiều nghĩa vụ có thể bù trừ thì việc bù trừ nghĩa vụ sẽ tuân theo các quy định về khấu trừ tại Điều 1256.

#### **Điều 1298**

Việc bù trừ nghĩa vụ không được gây thiệt hại đến quyền của người thứ ba. Do vậy, trong trường hợp một người từ người có nghĩa vụ trở thành người có quyền kể từ khi tài sản của mình bị người thứ ba kê biên, người đó không thể viện dẫn ra việc bù trừ nghĩa vụ gây thiệt hại cho người kê biên.

#### **Điều 1299**

Trong trường hợp người có nghĩa vụ đã thực hiện một nghĩa vụ mà đã đương nhiên chấm dứt do được bù trừ, người đó không thể nêu ra với người thứ ba những quyền ưu tiên và quyền thế chấp gắn với nghĩa vụ, trừ phi có lý do chính đáng nên không biết là có nghĩa vụ đã bù trừ cho nghĩa vụ mà mình đã thực hiện.

### ***Mục V***

## **HÒA NHẬP NGƯỜI CÓ QUYỀN VÀ NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ**

#### **Điều 1300**

Khi người có quyền và người có nghĩa vụ hòa nhập làm một thì nghĩa vụ đương nhiên chấm dứt.

#### **Điều 1301**

Nếu người đang có nghĩa vụ chính trở thành người có quyền đối với chính nghĩa vụ đó thì những người bảo lãnh cũng được hưởng lợi;

Nếu người bảo lãnh một nghĩa vụ trở thành người có quyền đối với nghĩa vụ đó thì không dẫn đến chấm dứt nghĩa vụ chính;

Nếu người có quyền lại trở thành người có nghĩa vụ liên đới đối với chính nghĩa vụ đó thì nghĩa vụ chỉ chấm dứt đối với những người có nghĩa vụ liên đới khác tương ứng với phần nghĩa vụ liên đới của người đó.

## **Mục VI**

### **VẬT LÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA NGHĨA VỤ KHÔNG CÒN**

#### **Điều 1302**

Trong trường hợp vật đặc định là đối tượng của nghĩa vụ bị phá hủy, không đem giao dịch được hoặc bị mất mà các bên đều biết chắc chắn là vật đó không còn tồn tại nữa, thì nghĩa vụ chấm dứt, với điều kiện việc vật không còn hoặc bị mất không do lỗi của người có nghĩa vụ hoặc xảy ra trước khi người có nghĩa vụ bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ.

Ngay cả khi người có nghĩa vụ đã bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ mà không thực hiện nghĩa vụ và mặc dù không do sự kiện ngẫu nhiên, nghĩa vụ vẫn chấm dứt trong trường hợp nếu vật được giao cho người có quyền thì vật cũng sẽ bị phá hủy.

Người có nghĩa vụ phải chứng minh được trường hợp ngẫu nhiên mà mình viện dẫn.

Trong trường hợp vật đã bị đánh cắp, nếu vật bị phá hủy hoặc bị mất thì người đã đánh cắp vật phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị vật đó, bất kể vật bị hỏng hay bị mất như thế nào.

#### **Điều 1303**

Trong trường hợp vật bị phá hủy, không được phép giao dịch hoặc bị mất mà không do lỗi của người có nghĩa vụ, nếu có một số quyền hoặc quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường vật đó thì người có nghĩa vụ phải chuyển nhượng các quyền đó cho người có quyền.

## **Mục VII**

### **KHỞI KIẾN YÊU CẦU TUYÊN BỐ VÔ HIỆU HOẶC HỦY BỎ HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1304**

(Luật số 68-5 ngày 3 tháng 1 năm 1968) Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu tuyên bố vô hiệu hoặc hủy bỏ hợp đồng là 5

năm, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định một thời hạn ngắn hơn.

Trong trường hợp hợp đồng được giao kết do bị đe dọa thì thời hiệu này bắt đầu tính từ ngày hành vi đe dọa chấm dứt; trong trường hợp hợp đồng giao kết do nhầm lẫn hoặc bị lừa dối thì thời hiệu bắt đầu tính từ ngày phát hiện ra việc nhầm lẫn hoặc hành vi lừa dối.

Đối với những giao dịch do người chưa thành niên xác lập, thời hiệu này chỉ bắt đầu tính từ ngày người đó đủ tuổi thành niên hoặc được quyền tự lập; đối với những giao dịch do người thành niên được pháp luật bảo hộ xác lập thì thời hiệu chỉ bắt đầu tính từ ngày người đó biết được về việc mình đã xác lập giao dịch đó, khi đó, họ có thể xác lập lại giao dịch một cách hợp pháp. Thời hiệu khởi kiện những người thừa kế của người không có, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi chỉ bắt đầu tính từ ngày người đó chết, nếu trước đó thời hiệu chưa bắt đầu.

#### **Điều 1305**

(Luật số 64-1230 ngày 14 tháng 12 năm 1964) Trong trường hợp có thiệt hại đối với một bên trong hợp đồng thì có thể khởi kiện yêu cầu hủy bỏ mọi hợp đồng, vì lợi ích của người chưa thành niên và chưa được quyền tự lập.

#### **Điều 1306**

Người chưa thành niên không phải bồi hoàn vì lý do thiệt hại nếu đó là thiệt hại do một sự kiện ngẫu nhiên và không lường trước được gây ra.

#### **Điều 1307**

Việc tuyên bố người chưa thành niên đến tuổi thành niên không cản trở việc phải bồi hoàn.

#### **Điều 1308**

(Luật số 74-631 ngày 5 tháng 7 năm 1974) Người chưa

thành niên đã hành nghề không phải bồi hoàn vì những cam kết khi hành nghề.

#### **Điều 1309**

Người chưa thành niên không phải bồi hoàn về những thỏa thuận trong hợp đồng hôn nhân của mình, với điều kiện những thỏa thuận đó được đưa ra với sự đồng ý và hỗ trợ của những người mà sự đồng ý của họ được coi là điều kiện cần thiết để việc kết hôn có hiệu lực pháp luật.

#### **Điều 1310**

Người chưa thành niên không phải hoàn trả về những nghĩa vụ dân sự phát sinh ngoài hợp đồng.

#### **Điều 1311**

Trong trường hợp người khi đủ tuổi thành niên đã công nhận hợp đồng mà mình đã giao kết khi chưa thành niên thì không được quyền kiện yêu cầu hủy hợp đồng đó nữa, kể cả yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu về hình thức hoặc chỉ yêu cầu bên kia bồi hoàn.

#### **Điều 1312**

(Luật ngày 18 tháng 2 năm 1938) Khi người chưa thành niên hoặc người thành niên thuộc diện giám hộ được phép kiện đòi hủy bỏ những cam kết của mình thì không được đòi hoàn lại những gì đã trả trong khuôn khổ cam kết trong thời gian chưa thành niên hoặc thời gian giám hộ, trừ phi chứng minh được rằng những gì đã trả đã trở thành lợi ích của họ.

#### **Điều 1313**

Người thành niên chỉ có thể được hoàn trả vì lý do bị thiệt hại trong những trường hợp và theo những điều kiện quy định riêng trong Bộ luật này.

#### **Điều 1314**

Khi những thủ tục mà người chưa thành niên hoặc người

thành niên thuộc diện giám hộ cần phải tuân thủ khi chuyển nhượng bất động sản hoặc phân chia thừa kế đã được thực hiện đầy đủ, thì những giao dịch đó được coi như đã xác lập và thực hiện khi người đó đã đủ tuổi thành niên hoặc trước khi chịu giám hộ.

## **Chương VI**

### **CHỨNG CỨ VỀ CÁC NGHĨA VỤ VÀ CHỨNG CỨ VỀ VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ**

#### **Điều 1315**

Người nào đòi hỏi thực hiện một nghĩa vụ phải chứng minh nghĩa vụ ấy.

Ngược lại, người nào cho mình là đã hết nghĩa vụ phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ hoặc sự kiện dẫn đến hết nghĩa vụ.

#### **Điều 1315-1**

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) Những quy định về chứng cứ bằng văn bản, chứng cứ bằng người làm chứng, suy đoán, lời thú nhận của đương sự và lời thề được quy định trong các mục sau.

### **Mục I**

### **CHỨNG CỨ BẰNG VĂN BẢN**

#### **1. Những quy định chung**

#### **Điều 1316**

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) Chứng cứ bằng văn bản là chuỗi các chữ cái, ký tự, con số hoặc những ký hiệu hoặc biểu tượng khác có thể hiểu được, không phân biệt chất liệu thể hiện và phương thức truyền đạt.

### **Điều 1316-1**

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) Văn bản thể hiện dưới hình thức điện tử được chấp nhận làm chứng cứ như văn bản thể hiện trên giấy với điều kiện người soạn thảo văn bản đó có thể được xác định một cách hợp lệ và văn bản đó được lập và được lưu giữ trong các điều kiện cho phép bảo đảm tính toàn vẹn của văn bản.

### **Điều 1316-2**

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) Trong trường hợp pháp luật không quy định những nguyên tắc khác và các bên không có thỏa thuận có giá trị, thẩm phán giải quyết tranh chấp về chứng cứ bằng văn bản bằng cách xác định chứng cứ có thể đúng nhất, không phân biệt chất liệu thể hiện.

### **Điều 1316-3**

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) Văn bản điện tử có giá trị chứng minh như văn bản giấy.

### **Điều 1316-4**

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) Chữ ký cần thiết để hoàn thiện một văn bản pháp lý là căn cứ xác nhận người ký. Chữ ký thể hiện sự nhất trí của các bên về nghĩa vụ xuất phát từ văn bản pháp lý đó. Khi chữ ký đó là của viên chức công quyền thì văn bản đó có giá trị xác thực.

Đối với chữ ký điện tử, chữ ký được thực hiện bằng cách sử dụng một chương trình nhận dạng có độ tin cậy cao cho phép bảo đảm mối liên hệ giữa chữ ký và văn bản có chữ ký. Chương trình nhận dạng được suy đoán là có độ tin cậy cao, cho đến khi có chứng cứ ngược lại, nếu chữ ký điện tử được tạo ra, việc nhận dạng người ký và tính toàn vẹn của văn bản được bảo đảm theo những điều kiện do Chính phủ quy định.

## **2. Công chứng thư**

### **Điều 1317**

Công chứng thư là chứng thư được lập bởi các nhân viên công quyền có quyền lập văn bản tại nơi mà chứng thư được soạn thảo và theo những thể thức trang trọng cần thiết.

(Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000) “Công chứng thư có thể được lập dưới hình thức điện tử nếu việc được lập và lưu giữ tuân theo những điều kiện do Chính phủ quy định”.

### **Điều 1318**

Chứng thư không được coi là công chứng thư, vì được lập bởi nhân viên công quyền không có thẩm quyền hoặc không có năng lực hoặc vì có sai sót về mặt hình thức, vẫn được coi là tư chứng thư, nếu chứng thư đã được các bên ký.

### **Điều 1319**

Công chứng thư là chứng cứ đầy đủ về sự thỏa thuận giữa các bên ký kết và những người thừa kế hoặc những người có quyền lợi liên quan.

Tuy nhiên, trong trường hợp có khiếu kiện chính về giả mạo thì chứng thư bị khiếu kiện là giả mạo sẽ bị hoãn thi hành khi có quyết định khởi tố; trong trường hợp có khiếu kiện phụ về giả mạo thì Tòa án sẽ, tùy từng trường hợp, có thể ra quyết định tạm hoãn thi hành chứng thư.

### **Điều 1320**

Công chứng thư hoặc tư chứng thư có giá trị ràng buộc giữa các bên, kể cả đối với những vấn đề được trình bày có tính tường thuật, với điều kiện nội dung tường thuật có liên quan trực tiếp đến vấn đề được quy định. Những nội dung tường thuật không liên quan đến vấn đề quy định chỉ được coi như chứng cứ sơ bộ.

### **Điều 1321**

Phản thư chỉ có hiệu lực giữa các bên ký kết và không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

## **3. Tư chứng thư**

### **Điều 1322**

Tư chứng thư nếu được người mà chứng thư ấy chống lại công nhận hoặc được pháp luật coi là đã công nhận, thì cũng có giá trị như công chứng thư giữa các bên ký kết, giữa những người thừa kế và những người có quyền lợi liên quan.

### **Điều 1323**

Người bị một tư chứng thư chống lại phải thừa nhận hoặc phủ nhận dứt khoát chữ viết hoặc chữ ký của mình trong chứng thư đó.

Những người thừa kế hoặc những người có quyền lợi liên quan có thể tuyên bố không biết chữ viết hoặc chữ ký của người lập chứng thư.

### **Điều 1324**

Trong trường hợp đương sự không công nhận chữ viết hoặc chữ ký của mình và người thừa kế hoặc người có quyền lợi liên quan tuyên bố không biết chữ viết hoặc chữ ký trong chứng thư, Tòa án sẽ ra quyết định giám định chữ viết hoặc chữ ký.

### **Điều 1325**

Tư chứng thư về thỏa thuận song vụ chỉ có giá trị khi số bản chứng thư gốc được lập tương ứng với số bên có quyền lợi khác nhau.

Đối với những người có cùng lợi ích, chỉ cần lập một chứng thư gốc.

Mỗi bản gốc phải ghi rõ số bản gốc đã lập.

Tuy nhiên, nếu không ghi rõ bản gốc đã được lập thành hai bản hay ba bản... thì người đã thi hành phần của mình về điều khoản thỏa thuận trong chứng thư không được nêu ra thiếu sót đó.

#### **Điều 1326**

(Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980) Hành vi pháp lý theo đó một bên cam kết trả cho bên kia một số tiền hoặc giao một vật tiêu hao phải được ghi nhận trong chứng thư có chữ ký của bên cam kết và do người ấy tự ghi rõ số tiền hoặc số tài sản bằng chữ và bằng số (Luật số 2000-230 ngày 13 tháng 3 năm 2000). Trong trường hợp có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng chữ và bằng số thì tư chứng thư có giá trị đối với số tiền ghi bằng chữ.

#### **Điều 1327**

Bãi bỏ theo Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980.

#### **Điều 1328**

Tư chứng thư chỉ có giá trị về ngày tháng đối với người thứ ba kể từ ngày được đăng ký hoặc từ ngày người ký kết hoặc một trong số những người ký kết chết hoặc từ ngày nội dung tư chứng thư được xác nhận trong các chứng thư do nhân viên công quyền lập, như các biên bản niêm phong hoặc kiểm kê.

#### **Điều 1329**

Sổ sách của thương nhân không thể là chứng cứ về việc cung ứng hàng hóa chống lại những người không phải là thương nhân, trừ nội dung được nêu sau khi thề.

#### **Điều 1330**

Sổ sách của thương nhân là chứng cứ chống lại họ; những người muốn sử dụng sổ sách của thương nhân để làm lợi cho mình không thể loại bỏ những nội dung trái với ý định của mình.

#### **Điều 1331**

Sổ sách, giấy tờ trong gia đình không phải là chứng thư đối với người đã lập và có giá trị chống lại người đã lập:

1. Khi sổ sách, giấy tờ đó nêu rõ một khoản tiền đã nhận;
2. Khi sổ sách, giấy tờ đó nêu rõ một nghĩa vụ và ghi rằng giấy tờ này được lập nhằm thay thế cho việc không có một chứng thư có lợi cho người được hưởng nghĩa vụ.

#### **Điều 1332**

Chữ viết của người có quyền ở phần cuối, bên lề hoặc mặt sau một chứng thư hiện do người đó chiếm hữu, vẫn có giá trị, dù người đó không ghi ngày, tháng hoặc không ký, nếu chữ viết đó nhằm chấm dứt nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ.

Chữ viết của người có quyền ở phần cuối, bên lề hoặc mặt sau bản thứ hai của chứng thư hoặc biên lai cũng có giá trị tương tự, miễn là bản sao nằm trong tay người có nghĩa vụ.

### **4. Chi tiết hàng mẫu**

#### **Điều 1333**

Chi tiết lấy từ hàng mẫu có giá trị xác nhận giữa những người sử dụng về những sản phẩm cung ứng lẻ mà họ làm hoặc nhận được.

### **5. Bản sao chứng thư**

#### **Điều 1334**

Khi bản gốc của chứng thư vẫn còn, bản sao chỉ có giá trị về những nội dung ghi trong chứng thư gốc. Chứng thư gốc phải xuất trình khi có yêu cầu.

#### **Điều 1335**

Khi bản gốc của chứng thư không còn, thì bản sao có giá trị theo những trường hợp sau đây:

1. Bản sao một chứng thư có đóng dấu “có hiệu lực thi hành” hay bản sao đầu tiên của chứng thư, có giá trị như bản gốc; các bản sao theo quyết định của thẩm phán mà các bên đều có mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, hoặc bản sao được sao trước mặt các đương sự và được họ thỏa thuận, cũng có giá trị như bản gốc.

2. Bản sao do công chứng viên đã lập bản gốc hoặc một trong những người kế nhiệm của công chứng viên đã lập bản gốc hoặc nhân viên công quyền có trách nhiệm lưu giữ bản gốc, sao theo bản gốc sau khi đã cấp bản sao có đóng dấu “có hiệu lực thi hành” hay cấp bản sao đầu tiên của chứng thư, mà không theo quyết định của thẩm phán hoặc không có sự thỏa thuận của các bên, thì có giá trị như bản gốc nếu bản gốc bị mất và nếu là bản sao cũ.

Được coi là cũ nếu bản sao được sao từ hơn 30 năm.

Những bản sao chưa được 30 năm chỉ được dùng làm chứng cứ sơ bộ bằng văn bản.

3. Nếu bản sao từ bản gốc của một chứng thư không được sao bởi công chứng viên đã lập bản gốc hoặc một trong những người kế nhiệm của công chứng viên đã lập bản gốc hoặc nhân viên công quyền lưu giữ bản gốc thì chỉ được dùng làm chứng cứ sơ bộ, dù đó là bản sao cũ.

4. Bản sao từ bản sao, tùy từng trường hợp, chỉ có thể được coi như tài liệu tham khảo.

### **Điều 1336**

Việc chép lại một chứng thư vào sổ công tác chỉ được coi là chứng cứ sơ bộ bằng văn bản và phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

1. Chắc chắn rằng tất cả các bản chính do công chứng viên lập vào năm được coi là năm lập chứng thư đã bị mất hoặc có thể chứng minh được bản gốc đã bị mất trong một sự cố đặc biệt;

2. Sổ lưu của công chứng viên xác nhận chứng thư đã được lập cùng ngày tháng.

Nếu chứng cứ thỏa mãn hai điều kiện trên được chấp nhận thì phải lấy lời khai của những người làm chứng khi lập chứng thư, nếu họ còn sống.

## **6. Chứng thư công nhận và chứng thư xác nhận**

### **Điều 1337**

Khi có chứng thư công nhận vẫn phải xuất trình chứng thư gốc, trừ phi nội dung của chứng thư gốc được ghi lại trong chứng thư công nhận.

Những nội dung thừa hoặc thiếu trong chứng thư công nhận so với chứng thư gốc đều vô hiệu.

Tuy nhiên, nếu có nhiều sự công nhận giống nhau kèm theo việc chiếm hữu, trong đó có một sự công nhận đã hơn 30 năm thì người có quyền được miễn xuất trình chứng thư gốc.

### **Điều 1338**

Chứng thư xác nhận hoặc chấp nhận một nghĩa vụ mà pháp luật cho phép kiện đòi vô hiệu hoặc hủy bỏ, chỉ có giá trị khi chứng thư nêu rõ nội dung nghĩa vụ, lý do xin hủy bỏ và ý định sửa chữa sai sót làm phát sinh yêu cầu hủy bỏ chứng thư.

Nếu không có chứng thư xác nhận hoặc chấp nhận thì chỉ cần nghĩa vụ được tự nguyện thực hiện sau khi nghĩa vụ được xác nhận hoặc chấp nhận một cách hợp lệ.

Việc xác nhận, chấp nhận hoặc tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo các thủ tục và trong thời gian pháp luật quy định, được coi như đã khước từ các cách thức và thủ tục để phản bác lại chứng thư trên cơ sở không gây thiệt hại đến quyền của người thứ ba.

### **Điều 1339**

Người tặng cho không thể dùng chứng thư xác nhận để sửa chữa sai sót liên quan đến tặng cho giữa những người còn sống

và sai sót về hình thức; việc tặng cho phải tiến hành lại theo đúng quy định về hình thức.

#### **Điều 1340**

Việc người thừa kế của người tặng cho hoặc người có quyền lợi liên quan đến người tặng cho xác nhận hoặc chấp nhận hoặc tự nguyện thực hiện việc tặng cho được coi như đã khước từ việc phản đối lại các sai sót về hình thức hoặc những phản bác khác.

### **Mục II**

## **CHỨNG CỨ BẰNG NGƯỜI LÀM CHỨNG**

#### **Điều 1341**

(Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980) Chứng thư phải được lập trước công chứng viên hoặc có chữ ký của các bên liên quan nếu đối tượng của chứng thư vượt quá số tiền hoặc giá trị quy định trong Nghị định của Chính phủ, kể cả trong trường hợp giao gửi tự nguyện. Không chấp nhận các chứng cứ bằng người làm chứng nhằm chống lại nội dung chứng thư và nội dung ngoài chứng thư hoặc đối với những nội dung được nêu là đã nói trước khi, trong khi hoặc sau khi lập chứng thư, dù là đối với số tiền hoặc giá trị ít hơn mức quy định.

Các quy định của pháp luật về thương mại vẫn được áp dụng.

#### **Điều 1342**

(Luật số 48-300 ngày 21 tháng 2 năm 1948) Quy định nêu trên áp dụng đối với trường hợp kiện đòi tiền, bao gồm cả gốc và tiền lãi nếu số tiền kiện đòi lớn hơn “mức quy định tại Điều trên”.

#### **Điều 1343**

(Luật số 48-300 ngày 21 tháng 2 năm 1948) Người đưa ra yêu cầu kiện đòi (Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980) số tiền lớn hơn “mức quy định tại Điều 1341” không được đưa ra

chứng cứ bằng người làm chứng, ngay cả khi đã rút bớt yêu cầu đầu tiên của mình.

#### **Điều 1344**

(Luật số 48-300 ngày 21 tháng 2 năm 1948) Chứng cứ bằng người làm chứng đối với yêu cầu kiện đòi số tiền (Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980) thấp hơn “mức quy định tại Điều 1341” không được chấp nhận nếu số tiền ấy là số còn lại hoặc là một phần của một nghĩa vụ lớn hơn không được chứng minh bằng văn bản.

#### **Điều 1345**

(Luật số 48-300 ngày 21 tháng 2 năm 1948) Nếu trong cùng một vụ kiện, một bên đưa ra nhiều yêu cầu kiện đòi mà không có chứng cứ bằng văn bản và tổng số tiền kiện đòi vượt quá (Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980) “mức quy định tại Điều 1341”, thì chứng cứ bằng người làm chứng không được chấp nhận, dù đương sự cho rằng những nghĩa vụ có căn cứ khác nhau và được đưa ra vào những thời điểm khác nhau, nếu đó chỉ là các quyền được hưởng từ nhiều người khác nhau, do thừa kế, tặng cho hoặc dưới các hình thức khác.

#### **Điều 1346**

Yêu cầu kiện đòi, dưới mọi danh nghĩa, mà không được chứng minh đầy đủ bằng văn bản, sẽ được nêu ra trong cùng một văn bản tổng đạt của Thừa phát lại. Sau khi Thừa phát lại tổng đạt văn bản, các yêu cầu khác không có chứng cứ bằng văn bản sẽ không được chấp nhận.

#### **Điều 1347**

Trong trường hợp có chứng cứ sơ bộ bằng văn bản, miễn áp dụng các quy định nêu trên.

Chứng cứ sơ bộ bằng văn bản là mọi chứng thư bằng văn bản do người bị kiện hoặc người đại diện của người ấy đưa ra để chứng minh tính xác thực của sự việc đã nêu.

(Luật số 75-596 ngày 9 tháng 7 năm 1975) “Lời khai của một bên khi được triệu tập trước Tòa, việc từ chối trả lời hoặc sự vắng mặt tại phiên tòa có thể được thẩm phán coi như tương đương với chứng cứ sơ bộ bằng văn bản”.

#### **Điều 1348**

(Luật số 80-525 ngày 12 tháng 7 năm 1980) Miễn áp dụng các quy định nêu trên khi có nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng hoặc khi một bên đương sự không có khả năng thể chất hoặc lý trí để cung cấp chứng cứ bằng văn bản hoặc đã đánh mất chứng thư có thể dùng làm chứng cứ bằng văn bản do ngẫu nhiên hoặc do trường hợp bất khả kháng.

Miễn áp dụng các quy định nêu trên khi một bên đương sự hoặc người nhận lưu giữ chứng thư không còn lưu giữ được chứng thư gốc, nhưng xuất trình được bản sao trung thực và có nội dung được thể hiện trên những chất liệu chắc chắn. Chất liệu thể hiện nội dung bản sao được coi là chắc chắn trong trường hợp chất liệu đó bảo đảm nội dung của bản sao không thể tẩy xóa được và chất liệu thể hiện nội dung của bản gốc bắt buộc phải thay đổi.

### **Mục III**

### **SUY ĐOÁN**

#### **Điều 1349**

Suy đoán là hệ quả mà pháp luật hoặc thẩm phán rút ra từ một sự kiện đã biết để áp dụng cho một sự kiện mới.

#### **1. Suy đoán theo luật định**

#### **Điều 1350**

Suy đoán theo luật định là suy đoán gắn với một số hành vi hoặc sự kiện theo quy định của một đạo luật riêng biệt, bao gồm:

1. Những văn bản mà pháp luật tuyên bố vô hiệu, vì được suy đoán là được lập một cách gian lận, căn cứ vào tính chất của những quy định trong văn bản đó;

2. Những trường hợp mà luật tuyên bố quyền sở hữu hoặc giải trừ nghĩa vụ xuất phát từ một tình huống nhất định;

3. Hiệu lực pháp luật của bản án;

4. Hiệu lực của lời thú nhận hoặc lời thề của đương sự theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 1351**

Bản án chỉ có hiệu lực quyết tụng đối với một vụ việc. Chỉ được xem là cùng một vụ việc khi yêu cầu về cùng một vấn đề, dựa trên cùng một căn cứ và giữa cùng các bên tranh chấp.

#### **Điều 1352**

Người được hưởng suy đoán theo luật định được miễn không phải viện dẫn chứng cứ.

Mọi chứng cứ chống lại suy đoán theo luật định đều không được chấp nhận, nếu trên cơ sở suy đoán, pháp luật hủy bỏ một số chứng thư hoặc không chấp nhận tiến hành khởi kiện, trừ phi pháp luật cho phép viện dẫn chứng cứ ngược lại và trừ những nội dung đưa ra trong lời thề và lời thú nhận tại Tòa.

### **2. Suy đoán trong trường hợp pháp luật không quy định**

#### **Điều 1353**

Những suy đoán trong trường hợp pháp luật không quy định thuộc quyền xem xét của thẩm phán; thẩm phán chỉ chấp nhận những suy đoán nghiêm túc, chính xác và ăn khớp và chỉ trong các trường hợp pháp luật chấp nhận chứng cứ bằng nhân chứng, trừ phi chứng thư bị tố cáo là có gian lận hoặc lừa dối.

#### **Mục IV**

### **LỜI THỨ NHẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ**

#### **Điều 1354**

Lời thứ nhận có thể là thứ nhận ngoài Tòa án hoặc thứ nhận tại Tòa án.

#### **Điều 1355**

Lời thứ nhận bằng lời ngoài Tòa án bị coi là vô hiệu trong trường hợp chứng cứ bằng nhân chứng được nêu ra trong yêu cầu không được chấp nhận.

#### **Điều 1356**

Lời thứ nhận tại Tòa án là lời khai của đương sự tại Tòa án hoặc của người được người đó ủy quyền đặc biệt.

Lời thứ nhận tại Tòa án có giá trị như một chứng cứ đầy đủ chống lại người đã thứ nhận.

Lời thứ nhận phải được xem xét một cách tổng thể, không được chỉ xem xét những yếu tố bất lợi cho người đã thứ nhận.

Không được rút lại lời thứ nhận, trừ phi chứng minh được rằng đã thứ nhận do nhầm lẫn về sự việc. Không được rút lại lời thứ nhận với lý do nhầm lẫn về pháp luật.

#### **Mục V**

### **LỜI THỀ**

#### **Điều 1357**

Lời thề tại Tòa án có hai loại:

1. Lời thề quyết định. Đây là lời thề mà một bên yêu cầu bên kia thực hiện để trên cơ sở căn cứ vào lời thề đó sẽ quyết định việc xét xử vụ án.

2. Lời thề theo yêu cầu của thẩm phán. Đây là lời thề mà thẩm phán mặc nhiên yêu cầu đương sự bên này hoặc bên kia thực hiện.

## **1. Lời thề quyết định**

### **Điều 1358**

Lời thề quyết định có thể được đưa ra đối với mọi loại hình tranh chấp.

### **Điều 1359**

Lời thề quyết định chỉ có thể được đưa ra về một sự việc riêng của cá nhân người được yêu cầu thề.

### **Điều 1360**

Lời thề quyết định có thể được đưa ra kể cả khi không có chứng cứ sơ bộ về đơn yêu cầu hoặc về sự phản bác lại đơn yêu cầu.

### **Điều 1361**

Trong trường hợp người được yêu cầu thề từ chối thề hoặc không đồng ý để đối phương thề, hoặc trong trường hợp đối phương được yêu cầu thề nhưng từ chối thề, thì sẽ bị coi là thua kiện trong yêu cầu chính hoặc trong yêu cầu phản kháng tố tụng.

### **Điều 1362**

Không được yêu cầu thề khi sự việc là đối tượng của lời thề không liên quan đến cả hai bên mà chỉ là sự việc có tính chất cá nhân của người được yêu cầu thề.

### **Điều 1363**

Trong trường hợp lời thề đã được thực hiện, không chấp nhận cho đối phương chứng minh lời thề là giả dối.

### **Điều 1364**

Bên yêu cầu thề không thể rút lui khi đối phương đã tuyên bố sẵn sàng thề.

### **Điều 1365**

Lời thề chỉ có giá trị chứng cứ có lợi hoặc bất lợi đối với bản

thân bên yêu cầu thề, những người thừa kế hoặc những người có quyền lợi liên quan.

Tuy nhiên, lời thề do một trong những người có quyền yêu cầu liên đới đối với người có nghĩa vụ chỉ giải trừ nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ đối với phần của người có quyền yêu cầu ấy.

Lời thề của người có nghĩa vụ chính giải trừ nghĩa vụ cho những người bảo lãnh.

Lời thề của một trong số những người có nghĩa vụ liên đới có lợi cho những người cùng có nghĩa vụ.

Lời thề của người bảo lãnh có lợi cho người có nghĩa vụ chính.

Trong hai trường hợp cuối cùng, lời thề của một người có nghĩa vụ liên đới hoặc của người bảo lãnh chỉ có lợi cho những người có nghĩa vụ liên đới khác hoặc cho người có nghĩa vụ chính khi lời thề được đưa ra về nghĩa vụ chứ không phải về sự kiện liên đới hay về hành vi bảo lãnh.

## **2. Lời thề theo yêu cầu của thẩm phán**

### **Điều 1366**

Thẩm phán có thể yêu cầu một bên thề để quyết định việc xét xử khiếu kiện hoặc đơn giản là để ấn định mức tiền sẽ tuyên án.

### **Điều 1367**

Thẩm phán chỉ có thể mặc nhiên yêu cầu thề hoặc theo yêu cầu của nguyên đơn hoặc do có phản bác của đối phương về yêu cầu đó với hai điều kiện sau đây:

1. Yêu cầu của nguyên đơn hoặc phản bác của đối phương không được chứng minh đầy đủ;
2. Yêu cầu của nguyên đơn hoặc phản bác của đối phương không hoàn toàn thiếu chứng cứ.

Ngoài hai trường hợp nêu trên, thẩm phán phải chấp nhận hoặc bác bỏ ngay yêu cầu thề.

**Điều 1368**

Khi lời thề do thẩm phán mặc nhiên yêu cầu đối với một bên thì không được yêu cầu đối với bên kia.

**Điều 1369**

Thẩm phán chỉ có thể yêu cầu nguyên đơn thề về giá trị của vật tranh chấp khi không thể xác định được giá trị ấy bằng cách khác.

Trong trường hợp đó, thẩm phán vẫn phải xác định giá trị thành tiền bằng một con số có thể tin được từ lời thề của nguyên đơn.

**Chương VII****HỢP ĐỒNG DƯỚI HÌNH THỨC ĐIỆN TỬ**

(Luật số 2004-575 ngày 21 tháng 6 năm 2004, Điều 25-II)

**Điều 1369-1**

Người đề nghị cung cấp sản phẩm hay dịch vụ một cách chuyên nghiệp bằng phương tiện điện tử thì phải bảo đảm các nội dung trong hợp đồng theo phương thức cho phép lưu giữ và sao lại các nội dung đó. Trên cơ sở không trái với các điều kiện về hiệu lực quy định trong đề nghị giao kết hợp đồng, bên đề nghị giao kết hợp đồng vẫn phải chịu trách nhiệm về đề nghị giao kết hợp đồng chừng nào đề nghị giao kết đó vẫn có thể truy cập được.

Ngoài ra, đề nghị giao kết hợp đồng dưới hình thức điện tử phải có những nội dung sau đây:

1. Các bước phải tiến hành để giao kết hợp đồng dưới hình thức điện tử;
2. Các phương tiện kỹ thuật cho phép người sử dụng tìm ra và sửa chữa các sai sót trong việc nhập dữ liệu trước khi đến giao kết hợp đồng;

3. Ngôn ngữ đề nghị để giao kết hợp đồng;

4. Trong trường hợp lưu giữ hợp đồng, cách thức lưu giữ hợp đồng do bên đề nghị giao kết hợp đồng sử dụng và các điều kiện để truy cập hợp đồng được lưu giữ;

5. Các phương tiện tra cứu bằng phương thức điện tử những quy định nghề nghiệp và thương mại mà bên đề nghị giao kết hợp đồng có ý định tuân thủ trong trường hợp cần thiết.

#### **Điều 1369-2**

Để hợp đồng được giao kết có hiệu lực pháp luật, bên được đề nghị giao kết hợp đồng phải đã kiểm tra lại những chi tiết của đơn đặt hàng cũng như giá tổng thể của đơn đặt hàng, và sửa chữa những sai sót nếu có, trước khi khẳng định đơn đặt hàng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

Bên đề nghị giao kết hợp đồng có nghĩa vụ thông báo trong thời hạn hợp lý dưới hình thức điện tử về việc đã nhận được đơn đặt hàng.

Đơn đặt hàng, khẳng định chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng và biên nhận đơn đặt hàng được coi là đã được nhận khi bên được gửi đến có thể truy cập được các tài liệu đó.

#### **Điều 1369-3**

Các nghĩa vụ quy định tại các điểm từ 1 đến 5 Điều 1369-1 và tại các đoạn 1 và 2 Điều 1369-2 không áp dụng đối với các hợp đồng cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ chỉ được giao kết dưới hình thức trao đổi thư điện tử.

Ngoài ra, các quy định tại Điều 1369-2 và các điểm từ 1 đến 5 Điều 1369-1 có thể được miễn áp dụng trong trường hợp hợp đồng được giao kết giữa những người chuyên nghiệp.

#### **Thiên IV**

### **Những cam kết hình thành không thông qua thoả thuận**

#### **Điều 1370**

Một số cam kết hình thành hoàn toàn không có thỏa thuận nào từ phía người có nghĩa vụ cũng như từ phía người có quyền.

Một số cam kết chỉ do pháp luật quy định; một số cam kết khác phát sinh từ hành vi của bản thân người tự thấy mình phải có nghĩa vụ.

Loại thứ nhất là những cam kết hình thành không chủ tâm như cam kết giữa những chủ sở hữu là hàng xóm với nhau hoặc cam kết giữa những người giám hộ và của những người quản lý tài sản không thể từ chối nhiệm vụ đã giao cho họ.

Loại thứ hai là những cam kết phát sinh từ một sự việc cá nhân của người ở trong tình trạng có nghĩa vụ do tự nguyện cam kết, tương tự như hợp đồng hoặc do nghĩa vụ dân sự ngoài hợp đồng được quy định trong Thiên này.

#### **Chương I**

### **TỰ NGUYỆN CAM KẾT NHƯ HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1371**

Tự nguyện cam kết như hợp đồng là những hành vi hoàn toàn tự nguyện của con người, làm nảy sinh một cam kết nào đó

đối với người thứ ba và đôi khi làm nảy sinh cam kết qua lại giữa hai bên.

#### **Điều 1372**

Khi tự nguyện làm công việc không có ủy quyền, dù người có công việc có biết việc ấy hay không thì người thực hiện công việc không có ủy quyền đó mặc nhiên cam kết tiếp tục thực hiện và hoàn thành công việc cho đến khi chính người có công việc có thể tự đảm nhiệm; người thực hiện công việc không có ủy quyền cũng phải đảm nhiệm tất cả các phần phụ của công việc ấy.

Người thực hiện công việc không có ủy quyền phải chịu mọi nghĩa vụ như khi có ủy quyền của người có công việc.

#### **Điều 1373**

Người thực hiện công việc không có ủy quyền phải tiếp tục công việc, dù người có công việc chết trước khi công việc hoàn thành, cho đến khi người thừa kế của người có công việc có thể tự điều hành công việc.

#### **Điều 1374**

Người thực hiện công việc không có ủy quyền phải thực hiện công việc một cách thận trọng như công việc của chính mình.

Tuy nhiên, căn cứ vào lý do khiến họ phải đảm nhiệm công việc không có ủy quyền, thẩm phán có thể giảm bớt mức bồi thường thiệt hại mà họ phải chịu do lỗi hoặc sơ suất.

#### **Điều 1375**

Nếu công việc hoàn thành tốt, người có công việc phải thực hiện đầy đủ những cam kết mà người thực hiện công việc không có ủy quyền đã thực hiện nhân danh họ, bồi thường tất cả những cam kết cá nhân của người thực hiện công việc không có ủy quyền và hoàn lại mọi phí tổn cần thiết mà người ấy đã chi trả.

**Điều 1376**

Người nào vì nhầm lẫn hoặc cố ý đã nhận một vật không phải của mình thì buộc phải trả lại cho chủ sở hữu vật đã nhận không có căn cứ pháp luật đó.

**Điều 1377**

Nếu một người, do nhầm lẫn, tưởng mình có nghĩa vụ và đã thực hiện nghĩa vụ thì có quyền kiện đòi người có quyền hoàn lại những gì đã nhận.

Tuy nhiên, quyền kiện đòi chấm dứt trong trường hợp người có quyền từ bỏ danh nghĩa là người có quyền sau khi thanh toán, trừ trường hợp người đã thanh toán kiện đòi người có nghĩa vụ thực sự.

**Điều 1378**

Nếu người nhận không ngay tình thì phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi hoặc hoa lợi, kể từ ngày thanh toán.

**Điều 1379**

Nếu vật đã nhận không có căn cứ pháp luật là bất động sản hoặc động sản hữu hình thì người nhận vật đó phải trả lại bằng hiện vật hoặc bằng tiền nếu vật ấy bị hỏng hoặc bị hủy hoại do lỗi của mình; nếu đã nhận vật không ngay tình thì người nhận phải chịu trách nhiệm, kể cả trường hợp vật đó ngẫu nhiên bị mất.

**Điều 1380**

Nếu người nhận vật ngay tình đã bán vật thì chỉ phải hoàn lại giá bán vật.

**Điều 1381**

Người đã được trả lại vật phải trả cho người chiếm hữu, dù là chiếm hữu không ngay tình, mọi phí tổn cần thiết cho việc bảo quản vật.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ NGOÀI HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1382**

Bất cứ hành vi nào của một người mà gây thiệt hại cho người khác, thì người đã gây thiệt hại do lỗi của mình phải bồi thường thiệt hại.

#### **Điều 1383**

Mỗi người phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra, không những do hành vi mà còn do sự cẩu thả hoặc không thận trọng của mình.

#### **Điều 1384**

Mỗi người phải chịu trách nhiệm không những về thiệt hại do mình gây ra mà cả thiệt hại do những người mà mình phải chịu trách nhiệm hoặc những vật mà mình coi giữ gây ra.

(Luật ngày 7 tháng 11 năm 1922) “Tuy nhiên, với bất kỳ danh nghĩa nào, người giữ toàn bộ hoặc một phần bất động sản hoặc động sản mà trong đó xảy ra hỏa hoạn chỉ phải chịu trách nhiệm đối với người thứ ba về những thiệt hại do hỏa hoạn gây ra, nếu có căn cứ chứng minh lỗi của họ hoặc lỗi của những người mà họ chịu trách nhiệm”.

“Quy định này không áp dụng đối với các quan hệ giữa chủ sở hữu và người thuê nhà; những quan hệ này được quy định tại các điều 1733 và 1734 Bộ luật Dân sự”.

(Luật số 70-459 ngày 4 tháng 6 năm 1970) “Cha và mẹ, với tư cách là những người thực thi quyền trông giữ con, phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do con chưa thành niên sống với họ gây ra”.

Người chủ và người ủy thác phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do gia nhân hoặc người giúp việc gây ra trong khi họ làm nhiệm vụ;

Thầy giáo và thợ thủ công phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do học sinh hoặc người học nghề gây ra khi những người này đang chịu sự giám sát của họ.

(Luật ngày 5 tháng 4 năm 1937) “Cha, mẹ, thợ thủ công phải chịu trách nhiệm theo quy định trên đây, trừ phi chứng minh được rằng họ không thể ngăn cản được hành vi dẫn đến việc chịu trách nhiệm nói trên.

Thầy giáo chỉ phải chịu trách nhiệm theo quy định trên đây trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được trước Tòa, theo các quy định chung rằng, thiệt hại là do lỗi, do sự cẩu thả hoặc không thận trọng của thầy giáo gây ra”.

#### **Điều 1385**

Chủ sở hữu một con vật hoặc người sử dụng con vật ấy phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do con vật gây ra, dù con vật đang được coi giữ hoặc bị xổng ra.

#### **Điều 1386**

Chủ sở hữu một công trình xây dựng phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do công trình bị đổ vì thiếu bảo dưỡng hoặc vì khuyết tật trong khi xây dựng.

*Thiên IV bis*

**Bồi thường thiệt hại do sản phẩm  
có khuyết tật gây ra**

**Điều 1386-1**

Nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do khuyết tật của sản phẩm của mình gây ra, dù người đó có bị ràng buộc hay không với người bị thiệt hại bởi một hợp đồng.

**Điều 1386-2**

Các quy định tại Thiên này áp dụng đối với bồi thường thiệt hại do xâm phạm đến con người hoặc xâm phạm đến tài sản khác, ngoài sản phẩm có khuyết tật.

**Điều 1386-3**

Mọi động sản, kể cả động sản gắn liền với bất động sản, như hoa lợi có được từ trồng trọt, chăn nuôi, săn bắn và đánh bắt đều được coi là sản phẩm. Điện cũng được coi là sản phẩm.

**Điều 1386-4**

Sản phẩm được coi là có khuyết tật theo quy định tại Thiên này khi không bảo đảm được an toàn mà người sử dụng có quyền mong đợi chính đáng.

Việc đánh giá mức độ an toàn mà người sử dụng có quyền mong đợi chính đáng phải tính đến mọi yếu tố, đặc biệt là về mẫu mã sản phẩm, tính năng sử dụng có thể được mong đợi một

cách hợp lý và về thời điểm sản phẩm được đưa vào lưu thông.

Một sản phẩm không được coi là có khuyết tật khi một sản phẩm khác hoàn thiện hơn được đưa vào lưu thông sau.

#### **Điều 1386-5**

Sản phẩm được đưa vào lưu thông khi nhà sản xuất tự nguyện từ bỏ quyền chiếm hữu đối với sản phẩm.

Sản phẩm chỉ được đưa vào lưu thông một lần.

#### **Điều 1386-6**

Khi tiến hành hoạt động nghề nghiệp, người sản xuất thành phẩm, người sản xuất một nguyên vật liệu, người sản xuất một bộ phận cấu thành là nhà sản xuất.

Khi áp dụng Thiên này, mọi cá nhân, pháp nhân khi tiến hành hoạt động nghề nghiệp được coi là nhà sản xuất nếu:

1. Có sản phẩm mang tên, nhãn hiệu của mình hoặc một dấu hiệu đặc trưng khác;
2. Nhập khẩu sản phẩm trong Cộng đồng châu Âu để bán, cho thuê, có hoặc không có cam kết bán hoặc những hình thức phân phối khác.

Cá nhân, pháp nhân mà trách nhiệm có thể bị truy cứu theo quy định tại các điều từ 1792 đến 1792-3 và Điều 1646-1 không được coi là nhà sản xuất theo quy định tại Thiên này.

#### **Điều 1386-7**

Người bán, người cho thuê, trừ người cho thuê - mua tài chính hay người cho thuê được coi là người cho thuê - mua tài chính, hoặc những nhà cung cấp chuyên nghiệp khác phải chịu trách nhiệm về việc sản phẩm không bảo đảm an toàn trong cùng điều kiện như nhà sản xuất.

Yêu cầu của nhà cung cấp đối với nhà sản xuất phải tuân theo những quy định áp dụng trong trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu nhà sản xuất. Tuy nhiên, nhà cung cấp

phải thực hiện quyền yêu cầu trong thời hạn một năm sau ngày bị triệu tập ra Tòa.

#### **Điều 1386-8**

Trong trường hợp thiệt hại do khuyết tật của sản phẩm gắn liền với một sản phẩm khác gây ra, nhà sản xuất bộ phận cấu thành và nhà sản xuất tiến hành gắn kết hai sản phẩm đó phải chịu trách nhiệm liên đới.

#### **Điều 1386-9**

Người yêu cầu phải chứng minh thiệt hại, khuyết tật và mối quan hệ nhân quả giữa khuyết tật và thiệt hại.

#### **Điều 1386-10**

Nhà sản xuất có thể phải chịu trách nhiệm về khuyết tật ngay cả khi sản phẩm đã được sản xuất theo đúng quy cách hoặc tiêu chuẩn hiện hành hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

#### **Điều 1386-11**

Nhà sản xuất đương nhiên phải chịu trách nhiệm, trừ trường hợp chứng minh được rằng:

1. Họ đã không đưa sản phẩm vào lưu thông;
2. Căn cứ vào hoàn cảnh, có thể xác định được rằng khuyết tật gây ra thiệt hại không tồn tại vào thời điểm sản phẩm được đưa vào lưu thông hoặc khuyết tật này phát sinh sau đó;
3. Sản phẩm không dùng để bán hoặc để phân phối dưới các hình thức khác;
4. Trình độ khoa học-kỹ thuật vào thời điểm sản phẩm được đưa vào lưu thông không cho phép phát hiện ra khuyết tật;
5. Khuyết tật là do phải tuân thủ các quy định bắt buộc của pháp luật.

Nhà sản xuất bộ phận cấu thành cũng không phải chịu trách nhiệm nếu có căn cứ xác định rằng khuyết tật là do thiết

kế sản phẩm mà bộ phận cấu thành này được gắn hoặc là do những chỉ dẫn của nhà sản xuất sản phẩm này.

#### **Điều 1386-12**

Nhà sản xuất không được viện dẫn trường hợp miễn trách nhiệm nêu tại Điểm 4 Điều 1386-11 nếu thiệt hại gây ra bởi một bộ phận cơ thể người hoặc bởi sản phẩm có nguồn gốc từ một bộ phận này.

Nhà sản xuất không được viện dẫn trường hợp miễn trách nhiệm nêu tại các điểm 4 và 5 Điều 1386-11 nếu, sau khi khuyết tật được phát hiện trong thời hạn 10 năm kể từ ngày sản phẩm được đưa vào lưu thông, nhà sản xuất không áp dụng những biện pháp thích hợp để ngăn chặn hậu quả thiệt hại.

#### **Điều 1386-13**

Nhà sản xuất có thể được giảm trách nhiệm hoặc miễn trách nhiệm, tùy từng trường hợp, nếu thiệt hại xảy ra là do khuyết tật của sản phẩm và đồng thời do lỗi của người bị thiệt hại hoặc của người mà người bị thiệt hại chịu trách nhiệm.

#### **Điều 1386-14**

Nhà sản xuất không được giảm trách nhiệm đối với người bị thiệt hại khi người thứ ba đã cùng gây ra thiệt hại.

#### **Điều 1386-15**

Các điều khoản nhằm giảm trách nhiệm hoặc miễn trách nhiệm cho nhà sản xuất đối với sản phẩm có khuyết tật bị nghiêm cấm và được coi như không có giá trị.

Tuy nhiên, các điều khoản thoả thuận giữa những người chuyên nghiệp về giảm trách nhiệm hoặc miễn trách nhiệm vẫn có giá trị nếu thiệt hại xảy ra đối với tài sản không được người bị thiệt hại sử dụng hoặc tiêu dùng chủ yếu vào mục đích cá nhân.

**Điều 1386-16**

Trừ trường hợp lỗi của nhà sản xuất, trách nhiệm của nhà sản xuất theo quy định tại Thiên này chấm dứt sau 10 năm kể từ ngày sản phẩm được đưa vào lưu thông gây ra thiệt hại, trừ trường hợp trong thời hạn này, người bị thiệt hại tiến hành khởi kiện nhà sản xuất.

**Điều 1386-17**

Thời hiệu yêu cầu bồi thường theo quy định tại Thiên này là 3 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc đáng lẽ phải biết thiệt hại, khuyết tật và căn cước của nhà sản xuất.

**Điều 1386-18**

Những quy định tại Thiên này không làm ảnh hưởng đến các quyền mà người bị thiệt hại có thể viện dẫn căn cứ vào pháp luật về trách nhiệm hợp đồng, hoặc trách nhiệm ngoài hợp đồng, hoặc căn cứ vào một chế định đặc biệt về trách nhiệm.

Nhà sản xuất vẫn phải chịu trách nhiệm về hậu quả do lỗi của mình và của người mà họ chịu trách nhiệm.

*Thiên VI*  
**Hợp đồng mua bán**

**Chương I**  
**TÍNH CHẤT VÀ HÌNH THỨC CỦA HỢP ĐỒNG**  
**MUA BÁN**

**Điều 1582**

Hợp đồng mua bán là một thỏa thuận theo đó một bên có nghĩa vụ giao vật và bên kia có nghĩa vụ trả tiền cho vật ấy.

Hợp đồng mua bán có thể được lập dưới hình thức công chứng thư hoặc tư chứng thư.

**Điều 1583**

Việc mua bán được coi là hoàn thành và quyền sở hữu vật được chuyển từ bên bán sang cho bên mua, sau khi hai bên đã thỏa thuận về vật bán và giá cả, dù vật chưa được giao và tiền chưa được trả.

**Điều 1584**

Việc mua bán có thể được tiến hành không kèm theo điều kiện hoặc kèm theo điều kiện phát sinh nghĩa vụ hoặc điều kiện hủy bỏ nghĩa vụ.

Đối tượng của hợp đồng có thể là hai hoặc nhiều vật.

Trong mọi trường hợp, hiệu lực của hợp đồng mua bán được quy định theo các nguyên tắc chung về hợp đồng.

**Điều 1585**

Nếu hàng hóa không bán cả khối, mà theo cân, đếm hoặc đo, thì việc mua bán chưa coi là hoàn thành và bên bán phải chịu mọi rủi ro về vật bán cho đến khi cân, đo, đóng, đếm xong; bên mua có thể yêu cầu giao vật bán hoặc bồi thường thiệt hại, nếu có, trong trường hợp không thực hiện cam kết.

**Điều 1586**

Ngược lại, nếu hàng hóa được bán theo khối, thì việc mua bán được coi là hoàn thành dù hàng chưa được cân, đo, đóng, đếm.

**Điều 1587**

Đối với rượu, dầu và các thứ khác mà thông thường phải ném rồi mới mua thì coi như chưa bán khi bên mua chưa ném và chấp thuận.

**Điều 1588**

Việc bán thử bao giờ cũng được suy đoán là bán với điều kiện phát sinh nghĩa vụ.

**Điều 1589**

Hứa bán coi như bán khi đã có thỏa thuận giữa hai bên về vật bán và giá cả.

(Luật ngày 30 tháng 7 năm 1930) Nếu lời hứa bán áp dụng đối với những khoảnh đất đã chia thành lô hoặc sẽ chia thành lô thì việc trả một phần số tiền bán, dù dưới tên gọi nào, và chiếm giữ mảnh đất được coi như chấp nhận lời hứa và đã thỏa thuận.

Thời gian thỏa thuận được tính từ khi trả tiền lần thứ nhất, dù về sau mới được hợp thức hóa.

**Điều 1589-1**

(Luật số 2000-1208 ngày 13 tháng 12 năm 2000, Điều 72-III)  
Cam kết đơn phương nhằm mục đích mua tài sản hoặc xác lập quyền đối với bất động sản kèm theo điều kiện bên cam kết phải

thanh toán, không phụ thuộc vào căn cứ và hình thức của cam kết, sẽ bị coi là vô hiệu.

#### **Điều 1590**

Nếu việc hứa bán có kèm theo đặt cọc, thì mỗi bên đều có thể từ bỏ lời hứa.

Bên đặt cọc sẽ mất số tiền đặt cọc, nếu không mua.

Bên nhận tiền đặt cọc phải hoàn lại gấp đôi số tiền đặt cọc, nếu không bán.

#### **Điều 1591**

Giá bán do các bên ấn định.

#### **Điều 1592**

Tuy nhiên, giá bán có thể do một bên thứ ba làm trọng tài ấn định; nếu bên thứ ba không muốn hoặc không thể định giá được thì việc bán coi như không thành.

#### **Điều 1593**

Các chi phí về giấy tờ và các phụ phí khác về bán do bên mua chịu.

## **Chương II**

## **QUYỀN MUA HOẶC BÁN**

#### **Điều 1594**

Tất cả mọi người đều có quyền mua hoặc bán nếu không bị pháp luật cấm mua hoặc bán.

#### **Điều 1595**

Bị bãi bỏ bởi Luật số 85-1372 ngày 23 tháng 12 năm 1985, Điều 35, từ ngày 1 tháng 7 năm 1986.

#### **Điều 1596**

Những người sau đây không được trực tiếp hoặc thông qua trung gian tham gia mua, bán đấu giá, nếu không việc mua, bán sẽ vô hiệu:

- Người giám hộ, đối với những tài sản của người mình giám hộ;
- Người được ủy thác, đối với những tài sản mà mình được ủy thác đứng ra bán;
- Viên chức hành chính, đối với những tài sản của xã hội hoặc của các công sở giao cho họ trông coi;
- Viên chức nhà nước, đối với tài sản quốc gia mà cơ quan họ đứng ra bán.

#### **Điều 1597**

Thẩm phán, thẩm phán dự khuyết, các thẩm phán giữ quyền công tố, các lục sự, thừa phát lại, luật sư đại diện, luật sư bào chữa, công chứng viên không có quyền thụ nhượng tài sản, quyền lợi có tranh chấp, trong phạm vi thẩm quyền quản hạt của Tòa án nơi họ hành nghề, nếu không việc thụ nhượng ấy bị vô hiệu và họ phải chịu các án phí và phải bồi thường thiệt hại.

### **Chương III**

## **NHỮNG VẬT CÓ THỂ ĐEM BÁN**

#### **Điều 1598**

Mọi thứ trong thương mại đều có thể được bán nếu những đạo luật riêng biệt không cấm việc chuyển nhượng.

#### **Điều 1599**

Hành vi bán đồ vật của người khác bị coi là vô hiệu và có thể dẫn đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi bên mua không biết đó là đồ vật của người khác.

#### **Điều 1600**

Bị bãi bỏ bởi Luật số 2001-1135 ngày 3 tháng 12 năm 2001, Điều 21, từ ngày 1 tháng 7 năm 2002.

#### **Điều 1601**

Nếu vào lúc bán, vật bán đã bị hủy hoàn toàn thì việc bán sẽ vô hiệu.

Nếu chỉ một phần vật bán bị hủy, bên mua có thể không mua hoặc chỉ mua phần còn lại và định giá lại.

### **Chương III-1**

#### **HỢP ĐỒNG MUA BÁN BẤT ĐỘNG SẢN SẼ XÂY DỰNG**

**(Luật số 67-3 ngày 3 tháng 1 năm 1967;**

**Luật số 67-547 ngày 7 tháng 7 năm 1967)**

#### **Điều 1601-1**

(Luật số 67-547 ngày 7 tháng 7 năm 1967) Hợp đồng mua bán bất động sản sẽ xây dựng là một hợp đồng trong đó bên bán có nghĩa vụ xây một bất động sản trong thời hạn được quy định trong hợp đồng.

Có thể thỏa thuận bán trả chậm, trả dần hoặc bán sau khi hoàn thành công trình xây dựng.

#### **Điều 1601-2**

(Luật số 67-3 ngày 3 tháng 1 năm 1967; Luật số 67-547 ngày 7 tháng 7 năm 1967) Hợp đồng bán trả chậm, trả dần là một hợp đồng theo đó bên bán cam kết giao bất động sản sau khi xây dựng xong, bên mua cam kết nhận bất động sản và trả tiền vào thời điểm nhận. Việc chuyển giao quyền sở hữu được thực hiện đương nhiên, với việc xác nhận bằng công chứng thư việc xây dựng xong bất động sản và có hiệu lực hồi tố kể từ ngày bán.

### **Điều 1601-3**

(Luật số 67-3 ngày 3 tháng 1 năm 1967) Hợp đồng bán sau khi hoàn thành công trình xây dựng là một hợp đồng theo đó bên bán chuyển ngay cho bên mua mọi quyền đối với đất đai cũng như quyền sở hữu những công trình hiện có. Quyền sở hữu công trình được chuyển giao từng phần cho bên mua theo tiến độ thi công và bên mua trả tiền theo tiến độ đó.

Bên bán giữ quyền chủ công trình cho đến khi nghiệm thu công trình.

### **Điều 1601-4**

(Luật số 67-547 ngày 7 tháng 7 năm 1967) Trong trường hợp bên mua chuyển nhượng quyền đối với bất động sản sẽ xây dựng thì bên thế quyền sẽ thay thế bên mua thực hiện các nghĩa vụ đối với bên bán.

Nếu việc bán có kèm theo ủy thác, thì việc ủy thác được tiếp tục giữa bên bán và bên được chuyển nhượng quyền.

Các quy định này áp dụng đối với mọi chuyển nhượng giữa những người còn sống, tự nguyện hoặc bắt buộc; hoặc chuyển nhượng trong trường hợp bên mua chết.

## **Chương IV**

## **NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

### **Mục I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1602**

Bên bán phải giải thích rõ nghĩa vụ của mình.

Mọi thỏa thuận tối nghĩa hoặc không rõ ràng phải được giải thích theo hướng bất lợi cho bên bán.

**Điều 1603**

Có hai nghĩa vụ chính: giao vật bán và bảo đảm vật bán.

**Mục II****GIAO VẬT BÁN****Điều 1604**

Giao vật là chuyển vật bán sang cho bên mua chiếm hữu.

**Điều 1605**

Nghĩa vụ giao bất động sản được hoàn thành khi bên bán đã giao chìa khóa, nếu bất động sản là một công trình xây dựng hoặc giao các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu.

**Điều 1606**

Việc giao động sản được thực hiện:

- hoặc bằng việc giao vật;
- hoặc bằng cách giao chìa khóa nhà có động sản;
- hoặc theo thỏa thuận giữa các bên, nếu việc chuyển chở không thể thực hiện được vào lúc bán hoặc nếu bên mua đã nắm giữ từ trước động sản cần giao nhưng với danh nghĩa khác.

**Điều 1607**

Việc giao tài sản vô hình được thực hiện bằng cách giao các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu bên mua hoặc bằng cách bên mua sử dụng các giấy tờ đó sau khi có sự đồng ý của bên bán.

**Điều 1608**

Bên bán có nghĩa vụ trả các chi phí giao vật và bên mua trả các chi phí bốc dỡ, nếu không có quy định khác.

**Điều 1609**

Việc giao vật bán được thực hiện ở nơi có vật vào thời điểm bán, nếu không có thỏa thuận khác.

**Điều 1610**

Nếu bên bán không giao vật đúng thời hạn đã thỏa thuận thì bên mua có thể đình chỉ việc mua bán hoặc chiếm hữu vật bán, nếu việc chậm giao vật là do lỗi của bên bán.

**Điều 1611**

Trong mọi trường hợp, bên bán phải bồi thường thiệt hại do việc giao vật không đúng thời hạn gây ra cho bên mua.

**Điều 1612**

Bên bán không buộc phải giao vật nếu bên mua không trả tiền và bên bán không chấp nhận gia hạn thanh toán cho bên mua.

**Điều 1613**

Bên bán cũng không buộc phải giao vật, ngay cả khi đã chấp nhận gia hạn thanh toán cho bên mua, nếu sau khi thỏa thuận mua bán, bên mua bị phá sản hoặc không có khả năng chi trả, khiến cho bên bán có nguy cơ không thu được tiền bán vật; trừ trường hợp bên mua bảo đảm sẽ thanh toán dưới hình thức trả chậm, trả dần.

**Điều 1614**

Vật bán phải được giao đúng với hiện trạng tại thời điểm bán.

Kể từ thời điểm giao vật, mọi hoa lợi thu được từ vật bán thuộc về bên mua.

**Điều 1615**

Nghĩa vụ giao vật bán bao gồm cả nghĩa vụ giao vật phụ và các vật khác dùng để sử dụng lâu dài vật bán.

**Điều 1616**

Bên bán phải giao đúng số lượng, chất lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng và theo những quy định dưới đây.

#### **Điều 1617**

Nếu hợp đồng mua bán bất động sản quy định rõ kích thước và diện tích bất động sản đem bán, thì bên bán phải giao cho bên mua bất động sản đúng với các số liệu đã nêu trong hợp đồng, nếu bên mua yêu cầu;

Nếu bên bán không thể giao bất động sản đủ theo kích thước và diện tích quy định trong hợp đồng hoặc nếu bên mua không yêu cầu phải giao đúng với các số liệu này và chấp nhận hiện trạng bất động sản khi giao thì bên bán phải giảm giá tương ứng với tỷ lệ thiếu hụt.

#### **Điều 1618**

Ngược lại, nếu trong trường hợp nêu tại Điều trên, kích thước và diện tích bất động sản lớn hơn số liệu đã thỏa thuận trong hợp đồng, thì bên mua có thể lựa chọn giữa việc trả thêm tiền hoặc rút khỏi hợp đồng, nếu phần phụ trội bằng hoặc lớn hơn  $1/20$  số liệu đã thỏa thuận trong hợp đồng.

#### **Điều 1619**

Trong các trường hợp khác,

- hoặc là bán vật đặc định,
- hoặc là bán các mảnh đất biệt lập,
- hoặc việc bán bắt đầu bằng việc cân, đo, đóng, đếm hoặc bằng việc chỉ định vật bán rồi mới cân, đo, đóng, đếm,

bên bán không được yêu cầu tăng giá trong trường hợp kết quả cân, đo, đóng, đếm vượt quá số lượng quy định trong hợp đồng và bên mua cũng không được yêu cầu giảm giá trong trường hợp kết quả ít hơn số lượng đã quy định nếu chênh lệch giữa kết quả thực tế và số lượng quy định chỉ xấp xỉ  $1/20$  tổng giá trị vật bán, trừ trường hợp có quy định khác.

#### **Điều 1620**

Trong trường hợp chênh lệch nêu tại Điều trên chỉ xấp xỉ

1/20 tổng giá trị vật bán mà bên bán yêu cầu tăng giá với lý do kết quả cân, đo, đong, đếm vượt quá số lượng quy định trong hợp đồng, thì bên mua có thể lựa chọn giữa việc đình chỉ hợp đồng hoặc trả thêm tiền cộng với lãi nếu bên mua đã giữ bất động sản.

#### **Điều 1621**

Trong trường hợp bên mua có quyền rút khỏi hợp đồng, bên bán phải hoàn lại cho bên mua tiền bán vật, nếu đã nhận và mọi chi phí liên quan đến hợp đồng.

#### **Điều 1622**

Yêu cầu tăng giá của bên bán hoặc yêu cầu giảm giá hay quyết định đình chỉ hợp đồng của bên mua phải được đưa ra trong vòng một năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, nếu không, sẽ không có giá trị.

#### **Điều 1623**

Nếu bán hai thửa đất trong cùng một hợp đồng, với cùng một giá và có xác định diện tích từng thửa mà sau đó thấy diện tích các thửa đất không bằng nhau thì sẽ phải điều chỉnh bù trừ cho phù hợp với diện tích đó. Yêu cầu tăng giá hoặc giảm giá của các bên phải tuân theo những quy định nêu trên.

#### **Điều 1624**

Nếu vật bán bị mất hoặc bị hủy hoại trước khi giao thì việc bên bán hay bên mua phải chịu trách nhiệm sẽ được giải quyết theo quy định tại Thiên “Hợp đồng và nghĩa vụ hợp đồng nói chung”.

### **Mục III**

### **VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM**

#### **Điều 1625**

Bên bán bảo đảm với bên mua hai nội dung: thứ nhất, bảo đảm việc chiếm hữu vật của bên mua không bị bên thứ ba tranh

chấp; thứ hai, bảo đảm về những khuyết tật ẩn giấu của vật bán hoặc những khuyết tật cho phép hủy việc bán.

### **1. Bảo đảm trong trường hợp bị mất quyền đối với vật**

#### **Điều 1626**

Dù khi bán các bên không đưa ra quy định về vấn đề bảo đảm, thì bên bán mặc nhiên vẫn phải bảo đảm cho bên mua không bị mất quyền đối với toàn bộ hoặc một phần vật bán hoặc không phải chịu những chi phí về vật mà khi bán không nói rõ.

#### **Điều 1627**

Các bên có thể thỏa thuận riêng để tăng thêm hoặc giảm bớt các nghĩa vụ đương nhiên trên đây; các bên cũng có thể thỏa thuận rằng bên bán không có bất kỳ nghĩa vụ bảo đảm nào.

#### **Điều 1628**

Dù các bên có thỏa thuận rằng bên bán không có bất kỳ nghĩa vụ bảo đảm nào, thì bên bán vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả phát sinh từ những hành vi mang tính chất cá nhân của bên bán; mọi thỏa thuận khác đều vô hiệu.

#### **Điều 1629**

Trong trường hợp không có quy định về nghĩa vụ bảo đảm của bên bán, bên bán vẫn phải trả lại tiền cho bên mua nếu bên mua bị mất quyền đối với vật, trừ phi ngay từ thời điểm mua, bên mua đã biết về nguy cơ bị mất quyền đối với vật hoặc đã mua với điều kiện chịu hoàn toàn trách nhiệm.

#### **Điều 1630**

Trong trường hợp bên bán đã hứa bảo đảm hoặc các bên không có quy định về vấn đề này, nếu bên mua bị mất quyền đối với vật thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán:

1. Trả lại tiền;
2. Trả lại các hoa lợi nếu bên mua đã buộc phải trả hoa lợi cho chủ sở hữu tài sản mà vẫn không được giao tài sản;
3. Trả lại các chi phí về yêu cầu bảo đảm và chi phí liên quan đến người mua ban đầu;
4. Bồi thường thiệt hại cũng như trả các lệ phí và phí tổn về hợp đồng.

#### **Điều 1631**

Nếu vào lúc bị mất quyền, vật bán bị giảm giá trị hoặc bị hủy hoại đáng kể do sơ suất của bên mua hoặc do những biến cố bất khả kháng, thì bên bán không phải trả lại cho bên mua toàn bộ số tiền.

#### **Điều 1632**

Tuy nhiên, nếu bên mua đã thu lợi từ những hư hại do chính mình gây ra thì bên bán có quyền tính vào giá bán số tiền ngang với số lợi mà bên mua đã thu được.

#### **Điều 1633**

Nếu vào thời điểm bên mua bị mất quyền mua, vật bán đã tăng giá ngoài ý muốn của bên mua, thì bên bán phải trả cho bên mua phần tăng thêm so với giá lúc thỏa thuận bán.

#### **Điều 1634**

Bên bán có nghĩa vụ trả lại cho bên mua hoặc yêu cầu bên làm mất quyền của bên mua trả lại cho bên mua mọi chi phí cần thiết liên quan đến sửa chữa và tôn tạo bất động sản.

#### **Điều 1635**

Nếu bên bán đã bán bất động sản của người khác một cách không ngay tình, thì phải trả lại cho bên mua tất cả các chi phí đối với tài sản, kể cả các chi phí có tính chất xa xỉ hay nhằm mục đích giải trí.

**Điều 1636**

Nếu bên mua chỉ bị mất quyền đối với một phần của vật bán và sẽ không mua nếu không có phần mà mình bị mất quyền, thì bên mua có thể đình chỉ hợp đồng.

**Điều 1637**

Nếu bên mua bị mất quyền đối với một phần của bất động sản bán mà không hủy bỏ việc bán thì giá trị của phần mà bên mua bị mất quyền được hoàn trả cho bên mua theo cách định giá vào thời điểm mất quyền, chứ không theo tỷ lệ với toàn bộ giá bán, dù giá trị của vật bán tăng hay giảm.

**Điều 1638**

Nếu bất động sản bán phải chịu những dịch quyền không thấy được mà bên bán không thông báo với bên mua và những dịch quyền này quan trọng đến mức có thể suy đoán rằng nếu bên mua biết trước thì có thể đã không mua, thì bên mua có thể yêu cầu đình chỉ hợp đồng nếu không muốn được bồi thường.

**Điều 1639**

Những vấn đề khác có thể dẫn đến bồi thường thiệt hại cho bên mua do không thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết theo các quy định chung, nêu tại Thiên “Hợp đồng hoặc nghĩa vụ hợp đồng nói chung”.

**Điều 1640**

Nghĩa vụ bảo đảm cho bên mua không bị mất quyền đối với vật bán chấm dứt nếu bên mua bị xử mất quyền bằng một bản án chung thẩm hoặc việc kháng cáo không được chấp nhận, mà bên bán không tham gia vào vụ kiện nếu đã chứng minh được rằng mình đã có đủ căn cứ cho phép bác yêu cầu đòi bảo đảm của bên mua.

## **2. Bảo đảm về các khuyết tật của vật bán**

### **Điều 1641**

Bên bán phải bảo đảm vật bán không có các khuyết tật ẩn giấu làm cho vật không sử dụng được hoặc làm giảm giá trị sử dụng của vật đến mức nếu bên mua biết trước các khuyết tật này thì đã không mua hoặc đã bớt giá tiền mua.

### **Điều 1642**

Bên bán không phải chịu trách nhiệm về những khuyết tật thấy rõ mà bên mua tự mình có thể biết.

### **Điều 1642-1**

(Luật số 67-547 ngày 7 tháng 7 năm 1967) Bên bán một bất động sản sẽ xây dựng không được miễn trách nhiệm về những khuyết tật xây dựng thấy rõ trước khi giao nhận công trình hoặc trong vòng một tháng kể từ khi bên mua chiếm hữu.

Bên mua không được hủy bỏ hợp đồng hoặc bớt tiền nếu bên bán tự nhận nghĩa vụ sửa chữa khuyết tật.

### **Điều 1643**

Bên bán phải chịu trách nhiệm về những khuyết tật ẩn giấu, dù không biết là có những khuyết tật đó, trừ trường hợp có quy định rằng bên bán không có nghĩa vụ bảo đảm.

### **Điều 1644**

Trong trường hợp quy định tại các điều 1641 và 1643, bên mua được lựa chọn giữa việc trả lại vật mua và đòi lại tiền hoặc vẫn giữ lại vật và được trả lại một phần tiền theo quyết định của các giám định viên.

### **Điều 1645**

Nếu bên bán biết các khuyết tật của vật bán thì ngoài việc phải hoàn lại số tiền đã nhận còn phải bồi thường thiệt hại cho bên mua.

#### **Điều 1646**

Nếu bên bán không biết các khuyết tật của vật bán thì chỉ phải hoàn lại tiền và trả cho người mua các phí tổn do việc bán.

#### **Điều 1646-1**

(Luật số 78-12 ngày 4 tháng 1 năm 1978) Kể từ khi giao nhận công trình, bên bán bất động sản sẽ xây dựng phải chịu trách nhiệm đối với chủ công trình về những nghĩa vụ mà các kiến trúc sư, các nhà thầu và những người khác có ký hợp đồng dịch vụ với chủ công trình phải chịu trách nhiệm theo quy định tại các điều 1792, 1792-1, 1792-2 và 1792-3 Bộ luật này.

Các chủ sở hữu tiếp theo của bất động sản cũng có quyền được hưởng bảo đảm.

Bên mua không được hủy bỏ hợp đồng hoặc bớt tiền nếu bên bán tự nhận nghĩa vụ bồi thường thiệt hại quy định tại các điều 1792, 1792-1, 1792-2 Bộ luật này và nghĩa vụ bảo đảm quy định tại Điều 1792-3.

#### **Điều 1647**

Nếu vật bán đã có các khuyết tật và bị hủy hoại do chất lượng xấu thì tổn thất thuộc về bên bán; đồng thời, bên bán phải hoàn lại tiền cho bên mua và trả các khoản bồi thường khác quy định tại hai điều trên.

Nếu tổn thất xảy ra do ngẫu nhiên thì bên mua chịu.

#### **Điều 1648**

Hành vi kiện vì có khuyết tật cho phép hủy hợp đồng mua bán phải được bên mua tiến hành một cách nhanh chóng, tùy theo tính chất của khuyết tật và thông lệ nơi tiến hành mua bán.

(Luật số 67-547 ngày 7 tháng 7 năm 1967) “Trong trường hợp quy định tại Điều 1642-1, bên mua phải khởi kiện trong năm tiếp theo kể từ ngày người bán có thể được miễn trách nhiệm về những khuyết tật thấy rõ, nếu không sẽ bị mất quyền khởi kiện vì quá hạn”.

#### **Điều 1649**

Nếu việc bán do Tòa án quyết định thì không thể kiện vì vật bán có khuyết tật.

### **Chương V**

## **NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA**

#### **Điều 1650**

Nghĩa vụ chính của bên mua là trả tiền vào ngày bán và tại địa điểm bán.

#### **Điều 1651**

Nếu khi bán không có quy định về ngày bán và địa điểm bán thì bên mua phải trả tiền tại địa điểm giao hàng và vào thời điểm giao hàng.

#### **Điều 1652**

Cho đến khi trả hết tiền gốc, bên mua phải trả lãi trên giá bán trong ba trường hợp sau đây:

- Nếu hai bên đã thỏa thuận như vậy khi bán;
- Nếu vật bán đã giao có sinh lợi;
- Nếu bên mua đã được thông báo phải trả tiền.

Trong trường hợp thứ ba, lãi chỉ được tính từ ngày được thông báo phải trả tiền.

#### **Điều 1653**

Nếu bên mua gặp rắc rối hoặc có lý do chính đáng để sợ gặp rắc rối liên quan đến quyền thế chấp hoặc về kiện đòi lại tài sản, thì có thể ngừng trả tiền cho đến khi bên bán giải quyết xong rắc rối hoặc đến khi người bán cam kết bảo lãnh, trừ trường hợp có quy định rằng bên mua vẫn phải trả tiền ngay cả khi có rắc rối.

**Điều 1654**

Nếu bên mua không trả tiền, bên bán có thể hủy bỏ hợp đồng.

**Điều 1655**

Hợp đồng mua bán bất động sản bị hủy bỏ ngay, nếu bên bán có nguy cơ mất cả vật và tiền.

Nếu nguy cơ này không xảy ra, thẩm phán có thể quy định cho bên mua một thời hạn dài hay ngắn tùy từng trường hợp.

Nếu quá thời hạn này mà bên mua không trả tiền, thì hợp đồng sẽ bị hủy bỏ.

**Điều 1656**

Trong trường hợp bán bất động sản mà có quy định rằng nếu không trả tiền trong thời hạn đã thỏa thuận thì hợp đồng đương nhiên bị hủy bỏ, thì bên mua vẫn có thể trả tiền sau khi hết thời hạn nếu không bị thúc nợ bằng một giấy đòi nợ. Nhưng sau khi đã có giấy đòi nợ, thẩm phán không được gia hạn thanh toán cho bên mua.

**Điều 1657**

Đối với các thực phẩm và động sản, nhằm bảo vệ lợi ích của bên bán, hợp đồng đương nhiên bị hủy bỏ và không cần hồi thúc thanh toán sau khi hết thời hạn đã thỏa thuận về việc lấy lại vật.

**Chương VI****HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU VÀ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG****Điều 1658**

Không kể những căn cứ dẫn đến vô hiệu hoặc hủy bỏ hợp đồng đã quy định tại Thiên này và những căn cứ chung dẫn đến vô hiệu hoặc hủy bỏ mọi thỏa thuận, hợp đồng mua bán còn có thể bị hủy bỏ khi bên mua sử dụng quyền chuộc lại và vì giá bán rẻ.

## **Mục I**

### **QUYỀN CHUỘC LẠI VẬT**

#### **Điều 1659**

Quyền chuộc lại vật là quyền theo đó bên bán được phép lấy lại vật đã bán, với điều kiện hoàn lại cho bên mua tiền bán và đền bù theo quy định tại Điều 1673.

#### **Điều 1660**

Thời hiệu thực hiện quyền chuộc lại vật là 5 năm.

Nếu quy định thời hiệu dài hơn thì phải rút xuống 5 năm.

#### **Điều 1661**

Thời hạn trên là bắt buộc, thẩm phán không thể quyết định thời hiệu dài hơn.

#### **Điều 1662**

Nếu hết thời hiệu quy định mà bên bán không chuộc lại vật bán thì bên mua chính thức trở thành chủ sở hữu tài sản.

#### **Điều 1663**

Thời hiệu này có hiệu lực đối với tất cả mọi người, kể cả đối với người chưa thành niên, trừ phi có khiếu nại với người có thẩm quyền.

#### **Điều 1664**

Trong trường hợp có kèm theo thỏa thuận chuộc lại vật, bên bán có quyền chuộc lại vật ở bên mua thứ hai, ngay cả khi quyền chuộc lại vật không được ghi trong hợp đồng thứ hai.

#### **Điều 1665**

Bên mua kèm theo thỏa thuận chuộc lại vật thực hiện mọi quyền của bên bán; bên mua có thể viện dẫn thời hiệu đối với chủ sở hữu thực sự và những người khác có quyền hoặc quyền thế chấp đối với vật đã bán.

**Điều 1666**

Bên mua kèm theo thỏa thuận chuộc lại có thể viện dẫn quyền ưu tiên kê biên và bán vật đối với các bên có quyền đối với bên bán.

**Điều 1667**

Bên mua kèm theo thỏa thuận chuộc lại một phần chưa chia của di sản trở thành người mua khi bán đấu giá toàn bộ di sản.

**Điều 1668**

Nếu các chủ sở hữu chung thỏa thuận cùng bán di sản chung giữa họ bằng một hợp đồng duy nhất thì mỗi người chỉ được thực hiện quyền chuộc lại đối với phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình.

**Điều 1669**

Cũng quy định tương tự, đối với trường hợp một người đã một mình bán di sản có nhiều người thừa kế.

Mỗi người trong số những người thừa kế chung chỉ được thực hiện quyền chuộc lại đối với phần di sản mình được hưởng.

**Điều 1670**

Nhưng, trong trường hợp quy định tại hai điều trên, bên mua vẫn có quyền yêu cầu tất cả những người cùng bán hoặc những người thừa kế chung thoả thuận với nhau về việc trao lại toàn bộ di sản cho bên mua; nếu không thoả thuận được thì bên mua sẽ hủy đề nghị mua.

**Điều 1671**

Trong trường hợp di sản thuộc về nhiều người, nếu những người thừa kế chung không thống nhất cùng bán toàn bộ di sản mà chỉ chấp thuận bán phần di sản của mình thì có thể riêng rẽ thực hiện quyền chuộc lại đối với phần di sản của mình.

Bên mua không thể buộc một người đã bán phần thừa kế của mình trong khối di sản chung phải chuộc lại toàn bộ di sản.

#### **Điều 1672**

Nếu bên mua có nhiều người thừa kế, thì chỉ có thể thực hiện quyền chuộc lại đối với từng người thừa kế về phần người ấy được hưởng, trong trường hợp phần di sản đó chưa chia và trong trường hợp vật bán đã được chia giữa những người thừa kế.

Nếu đã chia thừa kế và vật bán thuộc về phần của một trong những người thừa kế thì có thể thực hiện quyền chuộc lại toàn bộ vật bán đối với người thừa kế-chủ sở hữu.

#### **Điều 1673**

Trong trường hợp thực hiện quyền chuộc lại vật, bên bán phải hoàn lại tiền bán và trả cho bên mua các chi phí liên quan đến việc bán, chi phí sửa chữa cần thiết và chi phí sửa chữa làm tăng thêm giá trị bất động sản. Bên bán chỉ được nhận lại tài sản sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nêu trên.

(Pháp lệnh số 59-71 ngày 7 tháng 1 năm 1959) “Khi thực hiện quyền chuộc lại đối với di sản đã bán, bên bán được nhận lại di sản và được miễn mọi trách nhiệm và quyền thế chấp của bên mua về tài sản, với điều kiện thỏa thuận chuộc lại được công bố hợp thức tại Cơ quan Quản thủ thế chấp trước khi công bố các trách nhiệm và quyền thế chấp. Bên bán phải thi hành các hợp đồng cho thuê không gian lán mà bên mua đã ký kết”.

### **Mục II**

## **HỦY BỎ HỢP ĐỒNG VÌ LÝ DO THIẾT HẠI**

#### **Điều 1674**

Nếu bên bán bị thiệt hơn 7/12 giá bán một bất động sản thì có quyền hủy bỏ hợp đồng mua bán, dù trong hợp đồng có ghi rõ bên bán đã tự nguyện từ bỏ quyền hủy bỏ hợp đồng và tuyên bố tặng cho phần giá trị gia tăng.

#### **Điều 1675**

Để xác định mức độ thiệt hại hơn 7/12, cần đánh giá bất động sản theo tình trạng bất động sản và giá trị bất động sản vào thời điểm bán.

(Luật số 49-1509 ngày 28 tháng 11 năm 1949) “Trong trường hợp đơn phương cam kết giao kết hợp đồng, thiệt hại được đánh giá theo thời điểm đình chỉ hợp đồng”.

#### **Điều 1676**

Thời hạn hủy bỏ hợp đồng là 2 năm kể từ ngày bán.

Thời hạn này áp dụng đối với phụ nữ có chồng, người mất tích, người thành niên bị giám hộ, người chưa thành niên được ủy quyền của người thành niên đã bán vật.

Thời hạn này vẫn được tính và không bị đình chỉ trong thời gian quy định cho chuộc lại vật.

#### **Điều 1677**

Chứng cứ về thiệt hại chỉ có thể được chấp nhận bằng một bản án và chỉ trong trường hợp các sự kiện nêu trên là có thật và nghiêm trọng để suy đoán có thiệt hại.

#### **Điều 1678**

Chứng cứ về thiệt hại chỉ có thể được đưa ra bằng một báo cáo của ba giám định viên chịu trách nhiệm lập một biên bản chung duy nhất và chỉ có một ý kiến căn cứ theo đa số phiếu.

#### **Điều 1679**

Nếu có những ý kiến khác nhau, biên bản phải ghi rõ lý do dẫn đến các ý kiến khác nhau mà không được nêu ý kiến của mỗi giám định viên.

#### **Điều 1680**

Ba giám định viên được mặc nhiên chỉ định, trừ phi các bên thỏa thuận cùng nhau chỉ định cả ba giám định viên.

#### **Điều 1681**

Trong trường hợp yêu cầu hủy bỏ hợp đồng được chấp nhận, bên mua được lựa chọn giữa việc trả lại vật và lấy lại tiền hoặc giữ lại vật, trả thêm tiền cho đúng giá bán và được khấu trừ 1/10 tổng giá bán.

Bên thứ ba chiếm hữu cũng có quyền tương tự, trừ nghĩa vụ bảo đảm đối với bên bán.

#### **Điều 1682**

Nếu bên mua muốn giữ lại vật và trả thêm tiền theo quy định tại Điều trên, thì phải trả lãi cho số tiền trả thêm, tính từ ngày đề nghị hủy bỏ hợp đồng.

Nếu bên mua muốn trả lại vật và lấy lại tiền thì phải hoàn lại hoa lợi của vật mua, tính từ ngày đề nghị hủy bỏ hợp đồng.

Tiền lãi mà bên mua phải trả cũng tính từ ngày đề nghị hủy bỏ hợp đồng hoặc từ ngày trả tiền, nếu bên mua không thu hoa lợi của vật mua.

#### **Điều 1683**

Không được hủy bỏ hợp đồng vì lý do thiệt hại nhằm có lợi cho bên mua.

#### **Điều 1684**

Không được hủy bỏ hợp đồng vì lý do thiệt hại đối với những hành vi mua bán mà pháp luật quy định chỉ được thực hiện theo quyết định của Tòa án.

#### **Điều 1685**

Những quy định tại Mục trên về trường hợp nhiều người cùng bán hoặc bán riêng rẽ và về trường hợp bên mua có nhiều người thừa kế cũng được áp dụng đối với hành vi hủy bỏ hợp đồng.

## **Chương VII**

### **BÁN ĐẤU GIÁ MỘT TÀI SẢN KHÔNG CHIA PHẦN**

#### **Điều 1686**

Nếu một vật chung của nhiều người không thể dễ dàng chia ra từng phần mà không gây tổn thất, hoặc nếu khi thỏa thuận phân chia tài sản chung, không ai trong số những người cùng được chia có thể nhận hoặc muốn nhận tài sản, thì bán đấu giá tài sản và chia tiền cho các chủ sở hữu chung.

#### **Điều 1687**

Mỗi chủ sở hữu có quyền yêu cầu mời thêm những người ngoài tham gia đấu giá; nếu một trong các chủ sở hữu chung là người chưa thành niên thì nhất thiết phải mời người tham gia đấu giá.

#### **Điều 1688**

Phương thức và các thủ tục bán đấu giá được quy định tại Thiên “Thừa kế” và Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **Chương VIII**

### **CHUYỂN GIAO QUYỀN YÊU CẦU VÀ CÁC QUYỀN TÀI SẢN VÔ HÌNH KHÁC**

#### **Điều 1689**

Khi chuyển giao quyền yêu cầu, chuyển nhượng quyền hoặc cổ phần cho người thứ ba, thì việc chuyển giao giữa người có quyền yêu cầu và người thế quyền được thực hiện bằng việc trao cho nhau chứng thư.

#### **Điều 1690**

Người thế quyền chỉ có trách nhiệm đối với người thứ ba khi đã tống đạt hành vi chuyển giao quyền yêu cầu cho người có nghĩa vụ.

Tuy nhiên, người thế quyền cũng có trách nhiệm khi đã chấp nhận việc chuyển giao do người có nghĩa vụ thực hiện bằng một công chứng thư.

#### **Điều 1691**

Nếu trước khi người có quyền yêu cầu hoặc người thế quyền tổng đạt việc chuyển nhượng cho người có nghĩa vụ mà người có nghĩa vụ đã trả tiền người có quyền yêu cầu, thì người có nghĩa vụ hết nghĩa vụ.

#### **Điều 1692**

Việc bán hoặc chuyển nhượng quyền yêu cầu bao gồm cả các quyền phụ như bảo lãnh, quyền ưu tiên thanh toán của người có quyền và quyền thế chấp.

#### **Điều 1693**

Bên bán quyền yêu cầu hoặc quyền tài sản vô hình khác phải bảo đảm sự tồn tại của quyền ấy khi chuyển giao, dù là chuyển giao không kèm theo bảo đảm.

#### **Điều 1694**

Bên bán chỉ phải chịu trách nhiệm về khả năng thanh toán của bên có nghĩa vụ nếu có cam kết; trách nhiệm của bên bán chỉ giới hạn trong phạm vi số tiền mà bên bán được hưởng từ quyền yêu cầu.

#### **Điều 1695**

Nếu bên bán cam kết bảo đảm khả năng thanh toán của bên có nghĩa vụ thì chỉ phải bảo đảm về khả năng thanh toán vào thời điểm hiện tại, chứ không phải trong tương lai, trừ trường hợp bên có quyền yêu cầu có quy định rõ ràng.

#### **Điều 1696**

Bên bán quyền thừa kế mà không chỉ rõ chi tiết các tài sản

thừa kế thì chỉ phải chịu trách nhiệm bảo đảm tư cách thừa kế của mình.

#### **Điều 1697**

Nếu bên bán quyền thừa kế đã được hưởng hoa lợi của tài sản hoặc đã nhận tiền từ một khoản nợ thuộc di sản thừa kế hoặc đã bán thương phiếu trong di sản thừa kế, thì phải hoàn lại cho bên mua, nếu khi bán, bên bán không tuyên bố rõ ràng là giữ lại cho mình những khoản ấy.

#### **Điều 1698**

Về phần mình, bên mua phải hoàn trả cho bên bán những khoản mà bên bán đã trả nợ và thực hiện nghĩa vụ đối với phần thừa kế, nếu không có quy định khác.

#### **Điều 1699**

Trong trường hợp chuyển nhượng quyền đang tranh chấp, người có nghĩa vụ đang tranh chấp được coi là hết nghĩa vụ với người thế quyền nếu trả cho người thế quyền toàn bộ giá chuyển nhượng, các chi phí và tiền lãi tính từ ngày người thế quyền trả tiền chuyển nhượng.

#### **Điều 1700**

Vật được coi là vật tranh chấp khi có kiện và tranh chấp về nội dung của quyền.

#### **Điều 1701**

Quy định tại Điều 1699 không áp dụng trong các trường hợp sau:

- Chuyển nhượng quyền cho một người đồng thừa kế hoặc chủ sở hữu chung của quyền được chuyển nhượng;
- Chuyển nhượng cho người có quyền để thanh toán nợ;
- Chuyển nhượng cho người chiếm hữu di sản thừa kế đang có tranh chấp.

